



TẠP CHÍ

thủy sản

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA
BỘ THỦY SẢN

Số 9
2002

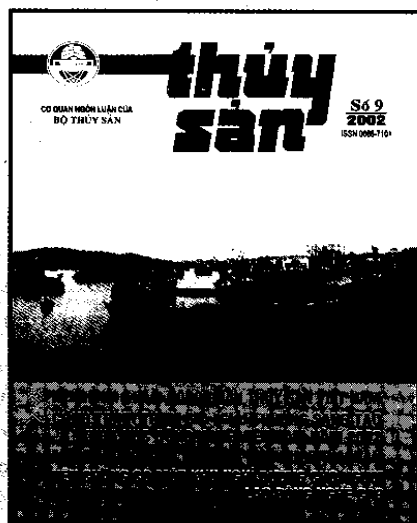
ISSN 0866-711



❖ KỶ NIỆM 10 NĂM CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN VIỆT NAM
❖ CÔNG TRÌNH THAM GIA "GIẢI THƯỞNG SÁNG TẠO
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM NĂM 2002
❖ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ NGHỀ CÁ KHU VỰC ASEAN
❖ NÊN CHĂNG CÓ MỘT KHU NGHỈ DƯỠNG CHO NGƯỜI
LAO ĐỘNG NGHỀ CÁ?

TRONG SỐ NÀY IN THIS ISSUE

- 1 CBTSVN với việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ của tổ chức công đoàn thời kỳ 1992-2002
The Vietnamese Fisheries's Trade Union with its undertaking the functions and mandates of the Trade Union in the period of 1992-2002
- 9 Seaprodex Việt Nam : Tăng tốc độ đầu tư, đầu tư có trọng điểm
Vietnam Seaprodex : accelerating the investment speed and investing in key areas
- 16 Giới thiệu công trình đăng ký tham gia giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam năm 2002
Introduction of projects registering for Vietnamese Science-Technology Initiative Award
- 20 Môi trường biển và nghề cá khu vực ASEAN : Con số và sự kiện
Sea environment and ASEAN fisheries : Figures and Events
- 28 Nên chăng có một khu nghỉ dưỡng cho người lao động nghề cá ?
Should there be a health resort for fisheries labors
- 32 Phản ứng của người dân Tây Ban Nha trước chủ trương giảm đội tàu đánh cá của EU
The Spanish's reaction against to EU policy in reducing EU's fishing fleets
- 39 Phong trào thi đua ở một đơn vị anh hùng
Emulation Movement in a Labor Hero Unit



Ảnh bìa 1 : Tàu thuyền đánh cá bên cầu
Xóm Bống (Nha Trang)

Ảnh: V.P

TẠP CHÍ THỦY SẢN
FISHERIES REVIEW
Monthly

SỐ 9
2002

Headquarter : 10 NguyenCongHoan Str., Ba Dinh Dist., Ha Noi
Tel : (04) 8345457 7716634 - Fax : 84.4.8345457
Editor-in-chef : Dr. Thai Thanh Duong

Giấy phép xuất bản số 559/GP/BVHTT ngày 8/11/2001
Giá : 10.000đ

KỶ NIỆM 10 NĂM CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN VIỆT NAM

CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN VIỆT NAM

VỚI VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN THỜI KỲ 1992-2002

◆ **TS. NGUYỄN VIỆT THẮNG**

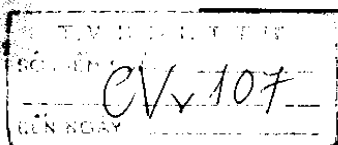
Thứ trưởng Bộ Thủy sản, Chủ tịch CBTSVN

Sau hơn 10 năm (1981 - 1992) ngành thủy sản được Nhà nước cho phép thực hiện cơ chế "tự cân đối, tự trang trải" trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, lấy xuất khẩu làm điểm tựa, ngành thủy sản phát triển vững vàng và ổn định. Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản năm sau luôn cao hơn năm trước. Lực lượng lao động thủy sản trong cả nước phát triển mạnh. Do tính đặc thù về nghề cá nhân dân và lao động thủy sản đòi hỏi phải có tổ chức công đoàn cấp toàn ngành để tập hợp lực lượng lao động theo tính chất nghề nghiệp nhằm đáp ứng việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội và sự phát triển của ngành, ngày 20/10/1992 Công đoàn Thủy sản Việt Nam được chính thức thành lập.

Sau khi thành lập, Công đoàn Thủy sản Việt Nam đã nhanh chóng ổn định tổ chức và đi vào hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của Công đoàn ngành T.Ư trên cơ sở Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Quy chế phối hợp hoạt động giữa tổ chức Công đoàn ngành và Bộ Thủy sản, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng Bộ Thủy sản và Đoàn Chủ tịch TLĐLĐVN.

Công đoàn Thủy sản Việt Nam xứng đáng là đại diện bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVC và LĐ ngành thủy sản

Tháng 7/1993, cùng với Bộ Thủy sản, Công đoàn Thủy sản Việt Nam tích cực hướng dẫn triển khai



việc thực hiện chế độ tiền lương mới theo Nghị định 25/CP của Chính phủ đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, Nghị định 26/CP của Chính phủ đối với các doanh nghiệp. Kết quả trong năm 1993, Công đoàn tham gia với chính quyền sắp xếp lương theo khung lương mới cho 871 công chức, viên chức khối hành chính sự nghiệp thuộc Bộ; Kiến nghị với lãnh đạo Bộ Thủy sản điều chỉnh, sửa đổi những bất hợp lý về lương cho hàng trăm cán bộ CNVC và LĐ trong ngành.

Năm 1995, tích cực chỉ đạo các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện tốt Bộ luật Lao động tới tận người lao động thủy sản. Tháng 10/1997, Công đoàn Thủy sản Việt Nam phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ - lao động Bộ Thủy sản tiến hành đợt kiểm tra 2 năm triển khai Bộ luật Lao động trong ngành. Tham gia với Bộ Thủy sản và các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, đề xuất và được Nhà nước công nhận thêm 28 loại công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm cho ngành thủy sản (Quyết định số 190/QĐ-LĐTBXH ngày 3/3/1999 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).

Từ năm 1996 đến năm 1998, tham gia với Viện KHKT BHLĐ của Tổng Liên đoàn (TLĐ) thực hiện dự án về ATVSLĐ trong ngành thủy sản do Tổ chức lao động quốc tế (ILO) tài trợ. Kết quả dự án đã đưa ra một số giải pháp đảm bảo ATVSLĐ, xây dựng giáo trình huấn luyện về ATVSLĐ và giúp Bộ Thủy sản xây dựng quy chế về công tác ATVSLĐ trong ngành thủy sản. Hiện nay công tác bảo hộ lao động thực hiện khá tốt ở các nhà máy chế biến thủy sản.

Năm 2001 và 2002 Công đoàn Thủy sản Việt Nam đang cùng với các cơ quan hữu quan nghiên cứu đề tài cấp Bộ về "Thực trạng điều kiện lao động ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động nghề cá", Hợp phần 1 thực hiện trong lĩnh vực chế biến thủy sản nhằm xác định cơ sở khoa học để đề xuất Nhà nước công nhận một số bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm cho lao động chế biến thủy sản.

Công đoàn Thủy sản Việt Nam đã chỉ đạo khá tốt việc tổ chức Đại hội CNVC, Hội

nghe Cán bộ công chức, ký thỏa ước lao động tập thể, hướng dẫn ký hợp đồng lao động... Đến nay có trên 80% số đơn vị, cơ sở tổ chức được Đại hội CNVC, Hội nghị Cán bộ công chức; trên 90% công nhân lao động ký hợp đồng lao động (trừ hợp đồng thời vụ).

Từ năm 1998 đến năm 2002, có 84,45% số công nhân lao động được đóng BHXH và BHYT; 14.824 lượt người được nâng ngạch, chuyển bậc lương; 70% người lao động trong các doanh nghiệp lớn, tập trung được khám sức khỏe định kỳ theo chế độ quy định.

Việc thực hiện chế độ nghỉ ngơi dưỡng sức cho người lao động theo Quyết định 37 của Thủ tướng Chính phủ được hầu hết các đơn vị thực hiện khá tốt, nhất là trong dịp hè kết hợp tham quan các danh lam thắng cảnh của đất nước, học tập mô hình sản xuất của các đơn vị tiên tiến khác.

Thu nhập bình quân của người lao động thủy sản khá ổn định, có tăng và có mức độ chênh lệch khá lớn giữa các loại ngành nghề, giữa hành chính sự nghiệp và sản xuất kinh doanh. Bình quân thu nhập giai đoạn 1996 - 1999 là 425.300 đồng/người/tháng; giai đoạn 2000 - 2002 là 610.000 đồng/người/tháng.

Công đoàn Thủy sản Việt Nam đã tích cực, chủ động trong hoạt động tuyên truyền giáo dục xây dựng giai cấp công nhân với nhiều hình thức và nội dung phong phú, có hiệu quả khá cao, đã góp phần nâng cao nhận thức chính trị, trình độ văn hoá và tay nghề cho người lao động thủy sản

Thông qua việc chỉ đạo các đơn vị học tập các văn kiện của Đại hội Đảng, pháp luật Nhà nước - nhất là 5 bài chính trị cơ bản do TLĐLĐ biên soạn, kết hợp tuyên truyền theo chuyên đề, tổ chức các đợt thi tìm hiểu về Đảng, về pháp luật nhà nước, về tổ chức công đoàn... từ cấp cơ sở đến cấp ngành để nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đoàn viên của người lao động thủy sản nói chung nhằm góp phần giữ vững ổn định chính trị, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, hiểu biết nghề nghiệp.

Năm 1996 trên cơ sở kỷ niệm 37 năm ngày Bác Hồ về thăm làng cá tại Hải Phòng và

Quảng Ninh (1/4/1959) Công đoàn Thủy sản Việt Nam cùng với Bộ Thủy sản đề nghị và được Nhà nước công nhận ngày 1/4 hàng năm là Ngày truyền thống ngành thủy sản (Quyết định số 173/TTg). Ngày truyền thống ngành thủy sản hàng năm được các cấp công đoàn phối hợp với chuyên môn tổ chức khá trọng thể, nhất là ở các tỉnh trọng điểm thủy sản.

Việc phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, báo, đài của T.Ư và địa phương tuyên truyền về các chuyên mục, các phóng sự về Quý nhân đạo nghề cá Việt Nam; về tiếng hát công nhân lao động thủy sản; về đời sống nữ công nhân chế biến thủy sản; về tuyên truyền phổ biến kiến thức các lĩnh vực thủy sản... được các cấp công đoàn và chuyên môn phối hợp thực hiện khá tốt.

Chỉ tính giai đoạn 1998 – 2002, theo thống kê chưa đầy đủ của 30 đơn vị trong ngành đã có: 15.251 người được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng tay nghề; 14.824 người được nâng bậc, chuyển ngạch lương và tổ chức công đoàn cũng đã tham gia tổ chức hàng nghìn cuộc tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho hàng vạn lao động thủy sản khi chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

*** Phối hợp với Bộ Thủy sản phát động, tổ chức tốt các phong trào thi đua.**

Từ khi tổ chức công đoàn ngành được thành lập và hoạt động, các phong trào thi đua có bước chuyển biến mới, nhất là các phong trào "lao động giỏi", "năng suất-chất lượng-hiệu quả".

Năm 1993 Công đoàn Thủy sản Việt Nam phối hợp với Bộ Thủy sản tổng kết phong trào thi đua "Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật", giai đoạn 1989 - 1993 ngành thủy sản, đã công nhận 677 sáng kiến có chất lượng, làm lợi cho Nhà nước trên 14 tỷ đồng. Có một sáng kiến của Xí nghiệp liên hợp thủy sản Hải Phòng đạt giải ba Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc năm 1993.

Từ năm 1995 – 1997, toàn ngành có 1 đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng (Quốc doanh đánh cá Kiên Giang); Nhà nước tặng 33 Huân chương, 25 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 28 cờ của Bộ Thủy sản, 513 bằng khen của Bộ.

Từ năm 1995 - 1998 T.Đ. tặng: 5 cờ đơn vị

xuất sắc; 8 bằng khen cho đơn vị, cá nhân xuất sắc; 9 người được tặng bằng lao động sáng tạo; 34 người được tặng Huy chương Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tổ chức công đoàn.

Năm 2000 Công đoàn Thủy sản Việt Nam cùng với Bộ Thủy sản tổ chức thành công Hội thi "Bàn tay vàng" trong công nhân chế biến thủy sản cấp toàn ngành. Hoạt động này là cơ sở thúc đẩy công nhân lao động tại các nhà máy phấn đấu thi đua để nâng bậc chuyển ngạch.

Năm 2000 Ban Nữ công Công đoàn Thủy sản Việt Nam phối hợp với Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ thủy sản tổng kết 5 năm (1995 - 2000) phong trào thi đua 2 giải "Giỏi việc nước - Đảm việc nhà" trong nữ công nhân lao động thủy sản. Có 2 tập thể và 6 cá nhân được T.Đ. tặng bằng khen, 2 tập thể và 1 cá nhân được Thủ tướng tặng bằng khen.

Năm 2002 sơ kết 3 năm phong trào thi đua phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công đoàn ngành thủy sản các cấp đã có những đóng góp tích cực và hiệu quả trong phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang thủy sản.

Năm 2000 Công đoàn Thủy sản Việt Nam đã cùng với Bộ Thủy sản tổ chức thành công Đại hội thi đua thời kỳ đổi mới (1986 - 2000) trong toàn ngành thủy sản. Cũng thời kỳ này, ngành thủy sản được phong tặng nhiều đơn vị và cá nhân Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới: Cty Chế biến dịch vụ thủy sản Cát Hải, Nhà máy đóng tàu Sông Đào (Nam Định), AGIFISH (An Giang), CAFATEX (Cần Thơ), Cty Thực phẩm XNK tổng hợp Sóc Trăng, CAMIMEX (Cà Mau), Cty XNK thủy đặc sản thành phố Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I, Cty XNK thủy sản miền Trung, Anh hùng lao động Nguyễn Thị Hồng (Tiền Giang), Lê Trọng Cừ (Nam Định)....

Tổng kết khen thưởng thời kỳ 1986 – 2000, toàn ngành thủy sản có: 37 đơn vị được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng III, 10 tập thể và 5 cá nhân được phong tặng Anh hùng lao động, 45 tập thể và 34 cá nhân được tặng Huân chương Lao động các loại, 16 cá nhân được phong tặng Chiến sĩ thi

đua toàn quốc, 5 Nhà giáo ưu tú, 78 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, 89 đơn vị được tặng cờ thi đua. Riêng về tổ chức công đoàn, từ 1994-2001 Công đoàn Thủy sản Việt Nam luôn luôn được khen thưởng về các chuyên đề, TLĐLĐ Việt Nam tặng Cờ thi đua (1996-1997) và nhiều bằng khen khác. TLĐLĐ Việt Nam tặng cờ cho 18 đơn vị, bằng khen cho 32 công đoàn cơ sở, 91 cá nhân. Đặc biệt là 13 Bằng "Lao động sáng tạo" cho các cá nhân có những công trình nghiên cứu, sáng tạo kỹ thuật...

Công đoàn Thủy sản Việt Nam đã tổ chức tốt hoạt động từ thiện nhân đạo và các hoạt động khác

Sau khi CĐTSVN được thành lập, công tác nhân đạo từ thiện được tập trung chỉ đạo và báo cáo về Công đoàn ngành T.Ư nhiều hơn, thường xuyên hơn, nhất là ủng hộ đồng bào bị lũ lụt. Chỉ tính tháng 10/1994 các đơn vị trực thuộc Bộ Thủy sản ủng hộ đồng bào các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long trên 200 triệu đồng.

Năm 1995 toàn ngành ủng hộ đồng bào bị lũ lụt 700 triệu đồng, năm 1996: 400 triệu đồng; năm 1997: 1,5 tỷ đồng; từ năm 1998 - 2002 trên 3 tỷ đồng.

Đặc biệt CĐTSVN là thành viên thành lập và thường trực Quỹ Nhân đạo nghề cá Việt Nam. Tổ chức công đoàn đã tích cực quyền góp nhân ngày 1/4 hàng năm, và dịp hội chợ Vietfish. Tổng kết 5 năm hoạt động 1997 - 2001, Quỹ đã quyền góp được 3,2 tỷ đồng. Quỹ đã trợ cấp cho 1.244 gia đình có ngư dân bị chết do thiên tai; 156 gia đình khó khăn do bão lụt, tổng số tiền trên 680 triệu đồng; Quỹ trợ giá 50% gần 4 vạn phao cứu sinh cho ngư dân nghèo với số tiền 1,33 tỷ đồng; chi 12 triệu hỗ trợ huấn luyện an toàn trên biển, diễn tập cứu hộ, cứu nạn...

Toàn ngành đang phụng dưỡng 131 Bà mẹ VNAH; xây dựng 132 căn nhà tình nghĩa...

Việc xây dựng, huy động các nguồn vốn cho Quỹ xóa đói giảm nghèo đạt hiệu quả cao. Tổng quỹ này tại các địa phương, đơn vị là 4,174 tỷ.

Các hoạt động phong trào có tính chất nghề nghiệp trong ngành: Liên hoan văn nghệ,

thể dục thể thao hoạt động "Vì bộ đội Trường Sa", hoạt động chuyên đề phối hợp đoàn kết quân dân biển - đảo, thăm quà và tặng quà bộ đội tuyến đảo Trường Sa, Bạch Long Vĩ, Hòn Mất... luôn được Công đoàn Thủy sản Việt Nam quan tâm và tổ chức có hiệu quả. Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội; xây dựng khu công nhân lao động không có tệ nạn xã hội... cũng luôn được các công đoàn cơ sở quan tâm.

Trong sự đóng góp cho tăng trưởng và phát triển của ngành nói chung có sự đóng góp tích cực của các đoàn viên và tổ chức công đoàn trong mọi lĩnh vực thủy sản. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động do những khó khăn khách quan và chủ quan nên việc thực hiện một số nhiệm vụ của CĐTSVN hiệu quả chưa cao như việc phát triển đoàn viên công đoàn ngoài quốc doanh, nghiệp đoàn nghề cá; việc quản lý chỉ đạo và phối hợp quản lý chỉ đạo của CĐTSVN đối với công đoàn cơ sở trực thuộc, công đoàn ngành thủy sản địa phương chưa tốt, chưa sâu sát.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba của Nhà nước trao tặng, CĐTSVN xin chân thành cảm ơn sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV và LĐ trong toàn ngành đã đóng góp sức lực và trí tuệ cho sự phát triển bền vững, hiệu quả, liên tục của ngành thủy sản, tiếp tục khẳng định vị trí "mũi nhọn" của thủy sản trong nền kinh tế quốc dân.

Cảm ơn các đồng chí cán bộ Công đoàn các cấp trong ngành thủy sản, trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có thủy sản) đã tích cực hoạt động vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn và người lao động thủy sản, vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tổ chức công đoàn nói chung.

Cảm ơn sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ Thủy sản, Đoàn Chủ tịch TLĐ và các Ban của TLĐLĐVN.

Cảm ơn sự hợp tác của các Cục, Vụ, Viện, Trường trong và ngoài ngành, các LĐLĐ địa phương, các cơ quan thông tấn báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng đã hợp tác giúp đỡ CĐTSVN trong quá trình xây dựng và phát triển ■

THỦY SẢN: LỢI THẾ VÀ CƠ HỘI CHO MỘT THỜI KỲ PHÁT TRIỂN

(Tiếp theo số 8/2002)

◆ TS. HÀ XUÂN THÔNG

Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản

NHỮNG MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

Mục tiêu chiến lược vĩ mô quan trọng nhất là huy động tổng hợp mọi tiềm năng để có thể phát triển ngành thủy sản nhằm đóng góp có hiệu quả vào nền kinh tế quốc dân và nâng cao các điều kiện kinh tế xã hội của ngư dân. Cụ thể là:

- Không ngừng tăng phần đóng góp của ngành thủy sản vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội đất nước bằng việc tăng cường xuất khẩu, gia tăng thu nhập ngoại tệ và nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế, giải quyết được nhiều công ăn việc làm và nâng cao thu nhập, mức sống của các cộng đồng dân cư sống dựa vào nghề cá. Trên cơ sở phát triển kinh tế biển và các vùng ven biển, hải đảo, góp phần tích cực và thiết thực vào sự nghiệp bảo vệ an ninh và chủ quyền của Tổ quốc.

- Đóng góp tích cực vào đảm bảo an ninh thực phẩm quốc gia, nâng cao mức dinh dưỡng của nhân dân bằng cách góp phần tăng mức cung cấp sản phẩm thủy sản cho các thị trường trong nước và tạo điều kiện thuận lợi để người dân có thể tiếp cận được với mọi loại thực phẩm thủy sản.

- Đưa ngành thủy sản trở thành một ngành kinh tế được công nghiệp hoá và hiện đại hoá, có luận cứ khoa học chắc chắn cho phát triển và áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến và thích hợp, nhằm không những tạo ra hiệu quả kinh tế cao, phát huy những lợi thế so sánh mà còn góp phần đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Xây dựng một ngành thủy sản được quản lý tốt nhằm đạt được sự phát triển ổn định, bền vững cho hiện nay và trong tương lai.

Nguồn lợi hải sản tự nhiên của Việt Nam đã bị khai thác quá mức đối vùng biển ven bờ và gần bờ, phần gia tăng sản lượng khai thác chỉ có thể trông cậy vào việc phát triển khai thác xa bờ,

nhưng sự phát triển này cũng chỉ có giới hạn do tính hiệu quả không cao. Do vậy phương án được chọn là chỉ giữ sản lượng khai thác của nước ta ổn định ở mức 1.200.000 - 1.400.000 tấn với việc giảm dần sản lượng khai thác các vùng ven bờ và gần bờ đồng thời tăng dần sản lượng khai thác ở các vùng biển xa bờ để bù đắp số sản lượng bị suy giảm do hạn chế dần việc khai thác gần bờ.

Nuôi trồng thủy sản sẽ trở thành ngành sản xuất nguyên liệu chủ yếu và sản lượng của ngành nuôi phải vươn lên chiếm khoảng 60% tổng sản lượng thủy sản trong tương lai. Những chỉ tiêu hướng tới của ngành thủy sản đến năm 2010 được hoạch định theo hướng sau:

- Không tăng sản lượng khai thác nhiều trong thời kỳ 2000-2010, giữ mức dao động chung quanh 1.400.000 tấn/năm (ở đây chỉ tính riêng cho khai thác cá, tôm, mực). Tăng nhanh sản lượng nuôi trồng thủy sản từ 10-13%/năm.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ trung bình khoảng 10-15%/năm, trong đó giai đoạn 2000 - 2005 tăng khoảng 12-15%/năm, giai đoạn 2005-2010 là 10-12%/năm. Giá trị xuất khẩu tương ứng là 3,0-3,5 tỷ USD năm 2005 và 4,5-5 tỷ USD năm 2010.

- Số lao động trực tiếp và phục vụ cho nghề cá tăng trung bình 2-3%/năm; 3.500.000 lao động (2000), 4.200.000 lao động (2005) và 4.700.000 lao động (2010), trong đó lao động nuôi trồng thủy sản và lao động chế biến thủy sản tăng gấp 2 lần so với năm 2000. Lao động khai thác giảm nhẹ.

CÁC ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC

Để duy trì và phát triển ngày càng nhiều sản phẩm từ thủy sản có giá trị kinh tế cao cho các thị trường trong nước và quốc tế, chống lại sự giảm sút nguồn lợi biển, tăng khả năng phục hồi tự nhiên của các nguồn lợi biển nhưng vẫn duy trì

EU BÃI BỎ QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA 100% TÔM NHẬP KHẨU VỀ ĐU LƯỢNG KHÁNG SINH

Ngày 20/9/2002, Ủy ban Thú y EU đã quyết định bãi bỏ việc bắt buộc kiểm tra 100% các lô hàng tôm nhập khẩu từ Việt Nam về dư lượng kháng sinh theo Quyết định 699 ngày 19/9/2001 của EU.

Trước đó, ngày 19/9/2002, Bộ trưởng Thủy sản Tạ Quang

Ngọc đã gửi thư tới ngài Robert J. Coleman, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Sức khỏe và Bảo vệ người tiêu dùng EU, trong đó đề nghị Ngài Tổng vụ trưởng xem xét kiến nghị EU bãi bỏ việc thi hành Quyết định 699 nêu trên.

Theo thống kê, từ tháng 4

đến hết tháng 8/2002, Việt Nam đã xuất 1.231 lô hàng vào thị trường EU. Đến nay đã có 997 lô được kiểm tra và cho phép thông quan, chưa có lô nào bị phát hiện nhiễm chloramphenicol và nitrofurans.

Đ.H

→ được tốc độ phát triển cao, sẽ tiến hành những hoạt động sau đây:

Trong khai thác hải sản

Tiến hành qui hoạch và quản lý phát triển nghề khai thác hải sản theo ngư trường và địa phương một cách hợp lý trên cơ sở bền vững của nguồn lợi và hiệu quả kinh tế.

Tiến hành sắp xếp lại nghề cá ven bờ một cách hợp lý, phát triển nghề nuôi trồng thủy sản biển và các ngành nghề khác trong các cộng đồng ngư dân để chuyển một phần lao động đánh cá sang hoạt động ở các lĩnh vực khác.

Phân định rõ ràng các ngư trường, khu vực và mùa vụ khai thác. Quy hoạch quy mô khai thác cho từng địa phương. Quản lý chặt chẽ các ngư trường, nơi sinh sống, môi trường và các giống loài thủy hải sản.

Tiến hành xây dựng hệ thống và qui trình quản lý nghề cá với sự tham gia trực tiếp của các cộng đồng ngư dân.

Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho nghề khai thác hải sản, tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước cho nghề cá thương mại.

Tăng cường các hệ thống dự báo, cảnh báo, cứu nạn, bảo hiểm.

Để làm được điều đó sẽ điều tra khảo sát xây dựng các hồ sơ về các bãi cá và các vùng cư trú, sinh trưởng, nguồn lợi và mùa vụ khai thác thích hợp ở từng vùng biển, từng thủy vực để làm căn cứ ra quyết định.

Tăng cường năng lực hành chính và kế hoạch, đồng thời giúp đỡ các địa phương quy hoạch và soạn thảo các kế hoạch phát triển khai thác hợp lý và tăng cường quản lý nguồn lợi.

Đi đôi với cơ cấu lại lực lượng khai thác ven bờ một cách hợp lý, chuyển dần sang phát triển canh tác trên vùng biển ven bờ: vừa khai thác, vừa nuôi, nuôi để khai thác.

Để làm được việc đó, sẽ sớm tính toán lại cường độ và cơ cấu nghề nghiệp hợp lý cho từng

địa phương, từng ngư trường, trước mắt hạn chế việc mở rộng quy mô nghề cá gần bờ. Hỗ trợ xây dựng các khu bảo tồn biển, các bãi chà rạo, tạo các vùng cư trú có tính chiến lược cho các giống loài thủy sản. Đồng thời tiến hành sản xuất giống nhân tạo và thả giống một số loài ra một số vùng biển. Khuyến khích và hỗ trợ các cộng đồng ngư dân nuôi biển bằng mọi hình thức, giao cho các cộng đồng nhất định quyền khai thác và nghĩa vụ quản lý, bảo vệ từng vùng ven bờ nhất định. Đồng quản lý ở vùng biển từ bờ biển ra đến 6 hải lý.

Sẽ phát triển nghề cá xa bờ một cách thận trọng, hợp lý trên cơ sở lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo. Do đó sẽ:

- Tăng cường nghiên cứu nguồn lợi để có thể đi đến quy định cụ thể, hợp lý việc phân bổ và khai thác các nguồn lợi xa bờ thuộc quyền tài phán quốc gia cho các địa phương và các ngư trường khơi trên cơ sở qui định hạn mức cường lực khai thác, chủng loại tàu thuyền, nghề nghiệp khai thác cho mỗi địa phương.

- Thường xuyên tiến hành khảo sát đánh giá kinh tế tài chính toàn diện của nghề cá xa bờ. Tiến hành thường xuyên việc khảo sát kỹ thuật để chọn lựa các loại tàu thuyền thích hợp, công nghệ khai thác thích hợp cho nghề khơi. Không đóng tàu ở ạt khi chưa xác định rõ cơ cấu đội tàu và kỹ thuật công nghệ hợp lý để tránh lãng phí cải hoán về sau.

- Tăng cường hỗ trợ của Nhà nước cho các khu vực nghề cá thương mại tham gia vào phát triển nghề cá xa bờ với sự ưu đãi trong vay vốn với các điều kiện thương mại và tạo môi trường thuận lợi về đầu tư (ưu đãi thuế, thủ tục đơn giản).

- Phát triển các cơ sở hạ tầng, các hệ thống buôn bán và tiếp thị hợp lý, tập trung.

- Chỉ xây dựng cho một số cảng tụ điểm lớn có tính chất tập trung phục vụ các đội tàu khai thác xa bờ. Các địa phương khác có thể đăng ký sử dụng cảng tại các tụ điểm lớn này.

Trong nuôi trồng thủy sản

Lấy phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản, trong đó đặc biệt là nuôi biển, nước lợ phục vụ xuất khẩu làm định hướng chiến lược cơ bản nhất cho thời kỳ đến năm 2010 theo các chiến lược hành động đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản dưới đây :

- Phát triển ngành nuôi trồng hải sản (nuôi biển) và nước lợ với việc ưu tiên chiến lược cho nuôi phục vụ xuất khẩu, nhất là nuôi tôm, cá biển và nhuyễn thể biển.

- Mở rộng thị trường trong nước và quốc tế cho nuôi nước ngọt. ưu tiên chọn lựa các đối tượng nuôi cho năng suất cao, dễ vận chuyển xa và có khả năng đa dạng chế biến. Phát triển mạnh công nghệ chế biến, bảo quản, vận chuyển và thương mại hàng thủy sản nước ngọt.

- Phát triển công nghệ sinh học là ưu tiên hàng đầu để rút ngắn các khoảng cách về trình độ công nghệ, đặc biệt trong công nghệ sản xuất giống, thức ăn và phòng trừ dịch bệnh.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản trên nguyên tắc an toàn sinh thái.

Để thực hiện được các ý tưởng đó, cần phải:

- Đẩy nhanh quá trình quy hoạch, xây dựng bản đồ thích nghi các hệ thống sinh thái cho nuôi trồng, khai thác thủy sản trên toàn quốc và cho từng vùng dựa trên cơ sở kỹ thuật viễn thám (GPS) và GIS; phân lập và thiết kế các khu sản xuất giống, nuôi tôm và các loài cá biển tập trung.

- Nghiên cứu, nhập nhanh công nghệ sản xuất giống, thức ăn và công nghệ nuôi biển (tôm hùm, các loại cá có giá trị kinh tế cao, nhuyễn thể và một số loài rong tảo).

- Đẩy nhanh tốc độ cải tiến, nâng cao công nghệ nuôi tôm xuất khẩu, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở hậu cần và dịch vụ cho nghề nuôi tôm, cá biển.

- Tiếp tục nâng cao các công nghệ, hệ thống nuôi thủy sản kết hợp với canh tác nông nghiệp, nuôi hải sản trên các vùng cát ven biển và nuôi thủy sản trong những khu vực tập trung để tạo khối lượng hàng hoá lớn có thể tổ chức chế biến và thương mại thuận lợi.

- Thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp thương mại và tư nhân tham gia phát triển nuôi thủy sản, đặc biệt là nuôi công nghiệp, sản xuất giống, thức ăn; tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng cho nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng hệ thống thể chế và thiết chế nhằm hỗ trợ mạnh mẽ cho nuôi thủy sản phát triển (khuyến ngư, luật pháp, giao đất và mặt nước...).

- Củng cố và phát triển mạng lưới điện,

trạm nghiên cứu công nghệ và kỹ thuật nuôi một cách mạnh mẽ hơn.

Trong chế biến và thương mại thủy sản

Mở rộng mặt hàng và thị trường nhằm đa dạng hoá các mặt hàng chế biến cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, lấy đa dạng mặt hàng chế biến kích thích lại tính đa dạng của sản xuất nguyên liệu và tận dụng sản phẩm của khai thác, lấy chế biến làm cơ sở cho việc nâng cao giá trị các sản phẩm thủy sản.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu công nghệ, tiếp thu và chuyển giao công nghệ chế biến tiên tiến.

- Huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước để nâng cấp các cơ sở chế biến hiện có cả về cơ sở hạ tầng và đổi mới trang thiết bị, công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm của quốc tế và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Nhanh chóng có những chính sách ưu tiên và hỗ trợ đầu tư nhằm cải tổ lại mạng lưới chế biến, vận chuyển, bán buôn, bán lẻ hàng thủy sản trong thị trường nội địa.

- Duy trì và giữ vững thị trường truyền thống đồng thời mở rộng quan hệ quốc tế để tạo thị trường mới, đặc biệt đối với các thị trường lớn như : Mỹ, Nhật, Trung Quốc, EU. Đặc biệt lưu ý mở rộng thị trường phía tây Trung Quốc, thị trường cá nổi nhỏ và cá nước ngọt châu Phi.

- Phát triển một số trung tâm chế biến công nghệ cao để tái chế biến các hàng sơ chế trong mạng lưới các xí nghiệp chế biến quy mô nhỏ nằm rải rác ở các vùng nguyên liệu.

Trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Lợi thế dồi dào nguồn nhân lực có trình độ lao động phổ thông cần phải được khai thác triệt để bằng việc đẩy mạnh và hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phát triển rộng rãi nuôi trồng ở cả 3 loại vực nước: ngọt, lợ, biển trong phạm vi cả nước đồng thời phát triển mọi hình thức chế biến (truyền thống, thủ công, hiện đại) để thu hút nhiều nhân lực, nhất là các vùng nông thôn và ven biển vào sản xuất hàng thủy sản trực tiếp, góp phần giải quyết một phần sức ép về việc làm ở các vùng nông thôn.

Lợi dụng tối đa lợi thế phát triển lan toả mà sự phát triển nuôi trồng , chế biến và thương mại thủy sản mang lại bằng việc phát huy nội lực trong việc sản xuất máy móc thiết bị vật liệu, vật tư kỹ thuật cũng như các dịch vụ kỹ thuật cho nghề cá, hình thành 1 tổng thể công nghiệp hỗ trợ cho ngành cá như đóng, sửa chữa tàu, sản xuất vật liệu lưới, ngư cụ, công nghệ sản xuất lưới, công nghệ sản xuất các thiết bị cho nuôi trồng thủy sản

(máy sục khí, phao,...), các thiết bị phục vụ cho công nghệ chế biến, bao bì, ...và những ngành công nghiệp liên đới khác ở trong nước sẽ tạo ra sự phát triển công nghiệp trong nước và tạo ra nhiều cơ hội công ăn việc làm.

Thiết kế và cải hoán đội tàu đánh khơi hiện có theo hướng tăng cường trang bị thiết bị hàng hải và thiết bị lạnh bảo quản và sơ chế sản phẩm khai thác được ở trên tàu.

Nhà nước giao việc quản lý các ngành công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ nghề cá cho Bộ Thủy sản quản lý để có chiến lược hành động chung và phối hợp sản xuất theo yêu cầu trong mối quan hệ thị trường nội địa. Phát triển nhiều xí nghiệp vừa và nhỏ trong mọi thành phần kinh tế làm các vệ tinh cho các công ty lớn trong sản xuất các thiết bị chuyên dùng cho ngành thủy sản ở các địa phương.

Phát triển mạnh các ngành chế biến, chế tác trong hệ thống kinh tế thủy sản. Tiến tới chuyên môn hoá sâu trong mọi lĩnh vực: khai thác, sản xuất giống, chế biến thức ăn, nuôi trồng, sản xuất thiết bị, sản xuất ngư cụ,... trên cơ sở chuyên môn hoá cao và sự phát triển của ngành đi tới xây dựng các khu sản xuất tập trung với những xí nghiệp vệ tinh và các tổ hợp công nghiệp thủy sản.

- Tạo lập các trung tâm chuyên sản xuất giống quy mô lớn vừa để quản lý chất lượng vừa hạ giá thành sản xuất giống, chống lại sự ô nhiễm môi trường.

- Tạo lập các khu nuôi thâm canh và công nghiệp cao đủ sức tạo những quả đấm lớn về sản phẩm xuất khẩu một số mặt hàng nào đó (tôm, cá) (kể cả nuôi biển, nuôi lợ và nuôi ngọt).

- Tạo lập một số (hạn chế) các cảng cá lớn đủ sức dịch vụ cho nghề cá xa bờ, nghề cá thương mại quy mô lớn, kết hợp phát triển ở đây các trung tâm lớn về thương mại thủy sản (chỉ nên xây dựng ở Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hoà, Vũng Tàu, Mỹ Tho, Tắc Cậu).

- Xây dựng một vài nhà máy lớn sản xuất thức ăn tôm cá.

- Xây dựng mới một số nhà máy hoặc liên kết với các công ty đóng tàu đóng tàu và trang bị tàu cá cho nghề khơi có qui mô lớn (không đóng tàu cá khơi tràn lan như hiện nay).

- Mở rộng các nhà máy sản xuất ngư cụ.

- Xây dựng một số nhà máy sản xuất thiết bị phục vụ nuôi thủy sản.

- Phát triển xí nghiệp sản xuất cơ điện lạnh đã có ở thành phố Hồ Chí Minh thành một đầu mối chính cơ điện lạnh với các vệ tinh của nó ở các miền để phục vụ ngành cá.

- Phát triển ở mỗi vùng 1 trung tâm lớn nhà máy sản xuất hàng thủy sản chất lượng cao phục vụ xuất khẩu (có thể đặt tại các cảng cá khơi lớn) không đầu tư nâng cấp tràn lan.

- Khuyến khích đầu tư xây dựng một số xí nghiệp chế biến hàng thủy sản tiêu dùng nội địa sản xuất đa dạng.

Cũng cần nói thêm rằng công nghiệp đóng tàu cá và sản xuất các loại động cơ thủy, máy móc chế biến trở thành mắt xích quan trọng trong quá trình công nghiệp hoá đất nước nếu được đầu tư phát triển vì nó sẽ tạo ra rất nhiều ngành công nghiệp khác: cơ khí, điện lạnh, đóng tàu, trang bị hàng hải. Nên đầu tư mạnh cho các ngành công nghiệp phục vụ đánh cá khơi xa bằng chính nội lực của quốc gia vì dù sao ngành cá vẫn tồn tại lâu dài nếu chúng ta biết phát triển một cách bền vững. Tuy nhiên, không nhất thiết ngành cá phải đứng ra thành lập ngành đóng tàu cá riêng của mình mà nên liên kết với ngành đóng tàu thủy để lợi dụng công nghệ và sức mạnh về vốn của họ. Ngành đóng tàu của Việt Nam là một ngành công nghiệp đã phát triển khá mạnh.

Tạo lập các vùng nuôi chuyên các đối tượng thâm canh cao và nuôi công nghiệp sẽ tạo điều kiện chuyên hoá các công nghệ và mặt hàng chế biến cho các siêu thị của các khu vực khác nhau của thị trường thế giới (đủ lượng hàng đặc chủng cho các thị trường) như thế sẽ làm mất dần tính thô chế và sơ chế nguyên liệu và đưa công nghiệp chế biến lên trình độ cao. Vì thế cần phải tập trung đầu tư cho các vùng chuyên canh tôm lớn, chuyên canh nuôi cá mú, cá hồng, cá tráp, cá vược, cá rô phi nước lợ, các loại nhuyễn thể, cầu gai, hải sâm,... chuyên canh nuôi các loại thủy đặc sản nước ngọt có quy mô lớn như cá rô phi, cá tra, cá lóc,...

Trong phát triển nguồn nhân lực và tăng cường năng lực thể chế

Tạo ra một lực lượng chất xám đông đảo trong ngành thủy sản đủ sức giải quyết các yêu cầu phát triển ngành và có đủ năng lực tham gia vào phân công quốc tế.

Tăng cường năng lực thể chế để có thể tiến hành có hiệu quả việc nghiên cứu và nâng cao công nghệ trong mọi lĩnh vực từ sản xuất - tiêu dùng đến bảo vệ và phát triển các nguồn lợi thủy sản, vùng sinh thái; từ các hệ thống sản xuất nguyên liệu đến chế biến, công nghệ thực phẩm và khoa học dinh dưỡng...bao gồm cả khoa học kỹ thuật công nghệ (phần cứng) và khoa học quản lý (phần mềm). Phát triển đào tạo tạo kỹ năng và đào tạo sau đại học. Thu thập và phổ biến thông tin một cách nhanh chóng■

TĂNG TỐC ĐỘ ĐẦU TƯ

ĐẦU TƯ CÓ TRỌNG ĐIỂM

◆ LÊ VĂN MINH

Liên tục nhiều năm qua, Tổng công ty Thủy sản Việt Nam giữ vững được sự ổn định và tăng trưởng SXKD – XNK là nhờ thực hiện chiến lược đầu tư hiệu quả.

Năm 2001, Tổng công ty đạt tổng doanh thu 5.238,57 tỷ đồng, đạt 100,74% kế hoạch, bằng 103,66% so cùng kỳ; tổng doanh số đạt 329,90 triệu USD, trong đó xuất khẩu đạt 160,9 triệu USD, sản xuất chế biến thủy sản đạt 122,10 triệu USD, sản lượng chế biến đạt 26.019 tấn, sản xuất thức ăn nuôi tôm đạt 79,01 tỷ đồng, sản lượng đạt 8.400 tấn, tăng 45,10% so với cùng kỳ, nộp ngân sách Nhà nước 417,8 tỷ đồng, lợi nhuận 37,34 tỷ đồng đạt 106,69% kế hoạch.

Trong 8 tháng đầu năm 2002, mặc dù gặp nhiều khó khăn hơn năm 2001 song so với cùng kỳ tổng doanh thu đạt 3.755 tỷ đồng tăng 18,34%; Tổng doanh số XNK và dịch vụ đạt 245,7 triệu USD bằng 65,52% kế hoạch và tăng 14,81% cùng kỳ; Sản xuất chế biến về giá trị 78,8 triệu USD, tăng 8,14%, về sản lượng đạt 16.600 tấn, tăng 12,84%; Nộp ngân sách 8 tháng đầu năm đạt 262,372 tỷ đồng, bằng 70,52% kế hoạch; Lợi nhuận đạt 24 tỷ đồng, đạt 60% kế hoạch, tăng 100% cùng kỳ.

Trên cơ sở đánh giá lại thực trạng các



Chế biến tôm xuất khẩu ở Seaprodex Minh Hải.

ẢNH : ANH TUYỀN

đơn vị thành viên, xác định chiến lược đa dạng mặt hàng, cân đối các nguồn lực, từ đó Tổng công ty đổi mới cơ cấu đầu tư, ưu tiên một số công ty, ngành hàng chính tại các vùng nguyên liệu chủ lực, phục vụ sản xuất kinh doanh – chế biến – xuất khẩu. Từ năm 1999 đến 8 tháng đầu năm 2002 đã đầu tư được trên 400 tỉ đồng, trong đó các dự án đầu tư đã thực hiện : Đổi mới thiết bị dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại, chế biến thủy sản mặt hàng mới : 26.487 tỷ đồng; Nhà máy chế biến thủy sản cao cấp Cam Ranh 20,535 tỷ đồng; Kho hàng tại thành phố Hồ Chí Minh 17,5 tỷ đồng (Công ty XNK thủy sản Miền Trung); Nâng cấp bổ sung thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa chủng loại và mẫu mã Nhà máy chế biến thủy đặc sản – Tỉnh Phú Yên 21,5 tỷ đồng Công ty cổ phần Thủy đặc sản thành phố Hồ Chí Minh; Nhà máy chế biến thủy sản công nghệ hiện đại Xuân Thủy – Nam Định 14,43 tỷ đồng (Công ty XNK thủy sản Hà Nội); Nâng cấp nhà máy chế biến 12,5 tỷ đồng và chợ đầu mối thủy sản 26,93 tỷ đồng (Seaprodex Minh Hải); Cải tạo đổi mới hệ thống tủ đông, kho lạnh và đổi mới công nghệ 33,618 tỷ (Công ty cổ phần thủy sản Năm Căn); Nâng cấp phân xưởng chế biến xuất nhập kho vận – Công ty Seaprodex Sài

Gòn 1,42 tỷ đồng; Xây dựng Trung tâm chế biến thủy sản Seaprodex tại Khu công nghiệp Sóng Thần - Đồng Nai 82,385 tỷ đồng đạt tiêu chuẩn HACCP và code quốc tế; Nâng cấp mở rộng triển địa Công ty Cơ khí đóng sửa tàu đánh cá xa bờ Hải Phòng 3,534 tỷ đồng.

Tốc độ đầu tư trong năm 2001 và đặc biệt là 8 tháng đầu năm 2002, đã góp phần quan trọng nâng cao sản lượng, chế biến xuất khẩu tăng 12,8% so với cùng kì, giá trị xuất khẩu tăng 12,01% so với cùng kỳ, bước đầu chủ động cạnh tranh hàng xuất khẩu thủy sản vào thị trường lớn : Mỹ, Nhật, EU và các thị trường truyền thống khác.

Thực tế cho thấy, những dự án đầu tư đúng, hợp lí, phát huy hiệu quả, tỷ suất lợi nhuận tăng. Tư tưởng chỉ đạo đầu tư là trên cơ sở dự báo tín hiệu thị trường, lộ trình hội nhập, năng lực hiện có và khả năng tài chính, phát triển vùng nguyên liệu, gắn khai thác, nuôi trồng, chế biến xuất nhập khẩu mà quyết định phương thức, mức đầu tư. Đảm bảo đầu tư tới đâu, khai thác phát huy hiệu quả ngay tới đó. Sử dụng cao nguồn lực, nhất là nguồn lực nội tại. Nhiều sản phẩm thủy hải sản... của Tổng công ty chiếm lĩnh được thị trường trong nước và xuất khẩu: tôm sú nguyên con và tôm sú thịt để đuôi, tôm sú Nobashi, nghêu lựa lược, mực nút đông lạnh, mực nang philê, cá tra philê, cá ngừ vây vàng philê, chả giò tôm PTO, càng ghẹ IQF, chả giò càng ghẹ, càng ghẹ tẩm bột... từng sản phẩm ngành hàng được phân tích gắn với đầu tư theo lộ trình hội nhập, giảm giá thành đầu

vào, nâng cao chất lượng sản phẩm là khâu then chốt trong chiến lược cạnh tranh để chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu.

Theo mô hình hiện tại Tổng công ty có 29 đơn vị, trong đó : 12 công ty Nhà nước, 9 công ty cổ phần và 8 công ty TNHH nhiều thành viên, sau khi thực hiện một cách dân chủ việc phân tích đánh giá thực lực SXKD – XNK, để xuất hướng sắp xếp Tổng công ty Thủy sản Việt Nam, trình lên Bộ Thủy sản, Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp của Chính phủ phê duyệt. Dự kiến triển khai bắt đầu từ tháng 9/2002 và kết thúc vào tháng 3/2005 thì Tổng công ty Thủy sản Việt Nam (công ty mẹ) theo đó, gồm 3 loại hình sau đây : 3 công ty TNHH một thành viên, 8 công ty TNHH nhiều thành viên, 18 công ty cổ phần. Để quản lí và giám sát công ty mẹ – công ty con hoạt động và phát triển có hiệu quả, đúng pháp luật : sẽ hình thành Hội đồng giám đốc, gồm Tổng giám đốc và các giám đốc doanh nghiệp thành viên.

Định hướng, chỉ đạo thực hiện đầu tư xây dựng kịp thời, hợp lí, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp thích hợp, đó là bước chuẩn bị hội nhập và phát triển vững chắc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam. Nhưng mọi việc đều không đơn giản Tổng Công ty còn phải tiếp tục điều chỉnh, xử lí khắc phục những bất hợp lí, bất cập của đầu tư nghiên cứu áp dụng mô hình tái cơ cấu tổ chức quản lí vốn và tài sản, quản lí thu nhập và phân phối giữa Tổng công ty và các đơn vị thành viên sao cho có hiệu lực, hiệu quả■

HỘI NGHỊ BÀN BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NUÔI CÁ RÔ PHI TẠO SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Ngày 12/9/2002, tại Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản I, Vụ Nghề cá Bộ Thủy sản phối hợp với Ban chỉ đạo Chương trình Nuôi trồng thủy sản Bộ Thủy sản đã tổ chức Hội nghị bàn biện pháp phát triển nuôi cá rô phi tạo sản phẩm xuất khẩu các tỉnh phía bắc với sự chủ trì của Thứ trưởng Nguyễn Việt Thắng. Dự hội nghị có các đồng lãnh đạo Bộ Thủy sản, các Cục, Vụ, Trung tâm,

Hội Nghề cá, Hiệp hội Chế biến XK thủy sản và lãnh đạo các Sở Thủy sản, Sở NN và PTNT có quản lí thủy sản cùng đại diện các Trung tâm Khuyến nông, Khuyến ngư, Hội Nghề cá các tỉnh từ Thừa Thiên Huế trở ra. Ngoài ra còn có Công ty XK thủy sản II Quảng Ninh, Công ty XNK thủy sản Hà Nội, một số công ty, trung tâm giống thủy sản và một số hộ dân nuôi thủy sản điển hình.

Tại hội nghị các đại biểu đã được nghe các báo cáo, thảo luận xoay quanh chủ đề về Đánh giá khả năng thị trường hiện trạng và tiềm năng phát triển nuôi cá rô phi; Mục tiêu định hướng và bàn các biện pháp đẩy mạnh nuôi cá rô phi ở các tỉnh phía bắc. Các đại biểu cũng đã được tham quan mô hình sản xuất giống và nuôi cá rô phi thương phẩm tại Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I■

Đơn vị thứ 2 ngành thủy sản

LÊN SÀN CHỨNG KHOÁN

◆ **HOÀNG DA VŨ**

Công ty cổ phần Thủy sản số 4 là đơn vị thành viên của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam, được chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 09/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/1/2001, với vốn điều lệ 15 tỷ đồng bao gồm nhà xưởng, máy móc thiết bị nằm ở hai cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là Vân Đồn (3.200m²) và Hưng Phú (1.700m²).

Mặc dù được Nhà nước bán ưu đãi cho tập thể gần 500 cán bộ công nhân viên 30% cổ phần, nhưng những ngày đầu phần lớn người lao động đều lo lắng, không an tâm. Liệu công ty có trụ vững, có giữ được mức phát triển bình thường như trước khi cổ phần hóa? Liệu ban giám đốc mới (Giám đốc Nguyễn Văn Lực, Phó giám đốc Lê Thanh Năm và Kim Anh) đều chưa kinh qua quản lý, thậm chí có người lần đầu vào ngành thủy sản, có đủ năng lực đưa công ty phát triển?

Nhưng rồi bảy tháng cuối năm 2001, với khí thế mới, lại chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần Thủy sản số 4 đã đạt kết quả khả quan: doanh thu tăng, lợi nhuận tăng, lợi nhuận trước thuế 7 tháng cuối năm 2001 đạt 2,3 tỷ đồng. Doanh thu cả năm 2001 đạt 75 tỷ đồng.

Khâu cải tiến công nghệ, đa dạng mặt hàng được công ty đặc biệt chú trọng. Ngay từ cuối năm 2001, công ty đã vay vốn đầu tư 2,5 tỷ đồng mua sắm thiết bị, máy đông gió, máy làm đá vẩy, cải tạo nhà xưởng, xử lý nước thải. Công trình cải tạo này tháng 9/2002 đã đưa vào hoạt động. Riêng dây chuyền sushi đưa vào hoạt động tháng 8/2002 đã góp phần tạo mặt hàng mới. Cho tới nay, ngoài các mặt hàng truyền thống chế biến các loại tôm, mực, bạch tuộc xuất sang Mỹ, Nhật và các nước khối EU, Công ty cổ phần Thủy sản số 4 đã mở hướng sản xuất mặt hàng mới: trái cây các loại (chôm chôm, nhãn, xoài...). Sáu

tháng đầu năm 2002 đã xuất sang Mỹ 107 tấn trái cây, doanh thu 140.000 USD.

Phó giám đốc Lê Thanh Năm, vốn làm nghề kim khí, người hoàn toàn mới nhập ngành thủy sản từ khi công ty cổ phần hóa, cho biết:

- Sáu tháng đầu năm 2002 chúng tôi xuất khẩu 1.300 tấn thủy sản, đạt 2,3 triệu USD. Tính đến hết tháng 8/2002, công ty đã đạt lợi nhuận 4,4 tỷ đồng, doanh thu 90 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu 6 triệu USD, ước tính lãi suất 14%/năm. Sáu tháng đầu năm vừa rồi, công ty đã tạm ứng lãi 6% (tương đương 900 triệu) để thưởng cán bộ công nhân viên. Nếu như năm 2001, lương bình quân của công ty là 1,35 triệu đồng/người/tháng, thì năm nay chúng tôi sẽ phấn đấu 1,5 triệu đồng/người/tháng.

Chị Đào Bích Hằng, bí thư chi bộ, trưởng phòng kế hoạch công ty cho biết thêm:

- Nhiều người lo chuyển sang công ty cổ phần thì phong trào đảng, đoàn, công đoàn sẽ không có đất hoạt động, nhưng ở Công ty cổ phần Thủy sản số 4 thì ngược lại. Phong trào công đoàn, đoàn thanh niên được chú trọng. Hằng năm công ty trích 2% quỹ tiền lương chi hoạt động công đoàn. Chi bộ công ty hiện có 22 người, thực sự là hạt nhân nòng cốt ở các phân xưởng. Chi bộ đang chuẩn bị kết nạp thêm 3 đảng viên mới. Nếu không có gì thay đổi thì tháng 8 năm 2002 Công ty chúng tôi sẽ lên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Quả nhiên, đúng như lời bí thư chi bộ Đào Bích Hằng nói, ngày 6/8/2002, Công ty cổ phần Thủy sản số 4 đã đón nhận giấy phép phát hành và giấy phép chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Và ngày 8/8/2002 Công ty cổ phần Thủy sản số 4 đã chính thức lên sàn, trở thành đại diện số hai (sau AGIFISH) của ngành thủy sản trên đấu trường chứng khoán cả nước. ■

Khơi dậy tiềm năng tại Công ty Seaprodex Sài Gòn

◆ PHƯƠNG ĐÔNG

Công ty xuất nhập khẩu thủy sản thành phố Hồ Chí Minh (Seaprodex Sài Gòn) là một trong những đơn vị thành viên chủ lực và tiên phong của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam (SEAPRODEX). Thành lập từ năm 1992 đến nay, Seaprodex Sài Gòn đã hình thành được đội ngũ CBCNV gồm 3 thế hệ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm, tâm huyết, sẵn sàng khắc phục khó khăn để hoàn thành thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu hàng năm, phát triển theo hướng ổn định, để phát triển vững chắc.

Trong 2 năm (2000-2001) và 6 tháng đầu năm 2002, Công ty đã đối mặt với nhiều khó khăn hơn các năm trước. Tuy vậy, căn bản vẫn giữ được sự ổn định để phát triển, đặc biệt là năm 2000, Công ty đã đạt hiệu quả cao nhất kể từ khi thành lập, với doanh thu 800,752 tỷ đồng; Tổng doanh số 57.132.000 USD; Nộp ngân sách nhà nước trên 152,335 tỷ đồng; Lợi nhuận đạt trên 1,34 tỷ đồng; Lương bình quân 1.530.000 đồng/người/tháng. Sáu tháng đầu năm 2002 : Tổng doanh thu đạt 428,827 tỷ đồng tăng 27% so với cùng kỳ, đạt 51,6% kế hoạch năm; Tổng doanh số đạt 24.941.705 USD tăng 5,2% so với cùng kỳ và đạt 45,7% kế hoạch năm; Nộp ngân sách nhà nước 50,5 tỷ đồng; Lợi nhuận 870 triệu đồng tương ứng đạt 53,2% và 64,4% kế hoạch năm; Lương bình quân 1.500.000 đồng/người/tháng.

Công ty còn thực hiện tốt trách nhiệm đối với công tác xã hội : "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn", xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, ủng hộ Quĩ nhân đạo nghề cá, đồng bào ngư dân trong cơn bão số 5, phụng dưỡng thường xuyên 4 Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở huyện Mỏ Cày (Bến Tre)... với tổng

số tiền do CBCNV Công ty đóng góp ngày công trong 6 năm (1996-2001) là 371.915.000 đồng.

Một trong những nguyên nhân quan trọng đạt được kết quả trên là Công ty chủ trương vận động CBCNV tự nguyện đăng ký thực hiện chỉ tiêu kế hoạch hàng năm về số lượng cũng như chất lượng. Từ một đốm lửa ban đầu, dần trở thành một phong trào thi đua sôi nổi trong toàn Công ty và đem lại những kết quả đáng tự hào: năm 1994, Công ty có 8 cán bộ tham gia trực tiếp kế hoạch doanh số sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu thì năm 2002 là 65 người; trong đó có 16 người thực hiện doanh số 1.500.000 USD/năm, người đạt cao nhất 13.700.000 USD/năm, từ đó, việc thực hiện sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu hàng năm của công ty ngày càng có sự tham gia đông đảo hơn của CBCNV, mọi thành viên đều thấm nhuần ý tưởng : hoàn thành vượt mức kế hoạch là trách nhiệm chung của mỗi người, đều phải góp sức mình. Hơn 30 đảng viên tiên phong hoàn thành vượt mức đạt kế hoạch doanh số 45 triệu USD, chiếm 80% tổng doanh số toàn Công ty. Mỗi cán bộ, đảng viên khi đặt ra chỉ tiêu phấn đấu cho chính mình thì đều cố gắng thực hiện với mức cao nhất.

Tình trạng trông chờ ỷ lại, thụ động mất dần, thay thế vào đó, tính năng động sáng tạo ngày càng được nhân rộng, sự đoàn kết gắn bó, tinh thần hợp tác với nhau ngày càng tăng lên. Với chủ trương đúng đắn của Đảng ủy, những biện pháp hết sức thiết thực của Ban giám đốc cộng với sự năng động trí tuệ, tâm huyết của từng CBCNV, đã tạo niềm tin và sức mạnh cho sự phát triển vững chắc của Công ty trong giai đoạn tới.

Ban lãnh đạo Công ty đã làm tốt công

tác giáo dục chính trị tư tưởng cho CBCNV, ý thức chấp hành luật trong quản lý sản xuất kinh doanh. Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh rất đa dạng, phong phú và doanh số đạt gần 60 triệu USD/năm nhưng từ khi thành lập đến nay, Seaprodex Sài Gòn luôn đặt chữ tín trong kinh doanh, bởi ngay từ đầu năm kế hoạch, Công ty đã quán triệt nguyên tắc hàng đầu và trở thành việc làm thường xuyên : Phải luôn chấp hành đúng pháp luật Nhà nước, nhất là các qui định về chống tham nhũng, buôn lậu, trốn thuế và gian lận thương mại. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Seaprodex Sài Gòn gồm nhiều lĩnh vực, trong đó hoạt động xuất nhập khẩu chiếm trên 90% doanh số, vì thế nhu cầu vốn lưu động là khá lớn. Trong điều kiện vốn lưu động phải đi vay ngân hàng là chính, thủ tục vay những năm đầu không mấy thuận lợi, thời gian cho vay rất hạn chế (thường là ngắn hạn), buộc Công ty phải có những cách huy động vốn linh hoạt, để giữ vững được cán cân về tài chính, thực hiện tốt việc vay trả nợ ngân hàng, về cơ bản đảm bảo có đủ vốn lưu động sản xuất kinh doanh.

Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ, công tác xây dựng Đảng, xây dựng Công ty gắn thực hiện dân chủ với thực hiện nghị quyết của Đảng bộ, Ban giám đốc, có tác dụng nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, cũng như phẩm chất, đạo đức, năng lực cán bộ đảng viên. CBCNV đoàn kết tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, Ban giám đốc Công ty. Đời sống CBCNV không ngừng được cải thiện và ổn định. Đảng bộ Công ty nhiều năm liên được cấp trên công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh (từ 1996 – 2002) và coi đó là yếu tố quyết định sự trưởng thành và phát triển vững chắc của Công ty.

Về phương hướng kế hoạch 5 năm (2001 – 2005) : Công ty tiếp tục thực hiện những chủ trương theo hướng chuyên sâu, chuyên ngành và kinh doanh, dịch vụ đa dạng tổng hợp. Lấy sản xuất kinh doanh – chế biến – xuất khẩu làm mục tiêu chiến lược trước mắt cũng như lâu dài. Lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo tích lũy để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh – chế biến – xuất khẩu.

Về mục tiêu tổng quát kế hoạch 5 năm : Đẩy mạnh xây dựng Công ty ổn định ở mức cao

và phát triển vững chắc, tiếp tục khắc phục những yếu kém tồn tại trong sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu, nâng dần nhịp điệu tăng trưởng toàn Công ty, không để thấp hơn mức bình quân 5 năm trước (1996-2000), cụ thể phải đảm bảo tăng trưởng bình quân hàng năm của Công ty từ 10-15%. Xây dựng nội lực Công ty, nâng cao tiềm lực mọi mặt, tạo bước chuyển biến về sức cạnh tranh và hiệu quả phát triển, thực hiện tốt các dự án đầu tư xây dựng, các hợp đồng kinh tế chủ động nâng cao năng lực quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu, quản lý cán bộ, giáo dục đào tạo, coi trọng phát huy nhân tố con người, chăm lo cải thiện nâng cao thu nhập, đời sống cho CBCNV. Từng bước tăng cường đầu tư xây dựng, đổi mới cơ sở vật chất khoa học kĩ thuật tiên tiến, hiện đại, tạo ra mặt hàng, sản phẩm có chất lượng, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế, sẵn sàng đối phó với mọi khó khăn diễn biến phức tạp kinh tế thị trường, tiếp tục khẳng định vị trí, vị thế vững vàng của công ty trong quá trình hội nhập.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị BCH T.Ư lần thứ 3 – khóa IX của Đảng về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, Seaprodex Sài Gòn tự nhận thấy đã đáp ứng được yêu cầu, là lực lượng vật chất quan trọng, đơn vị thành viên chủ lực của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam, nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả, và chấp hành pháp luật Nhà nước.... Theo hướng này Công ty xứng đáng được tổ chức lại theo loại hình : doanh nghiệp nhà nước (công ty con do công ty mẹ đầu tư 100% vốn, hoặc công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu Tổng công ty mẹ).

Mười năm qua (1992 - 2002) Công ty xuất nhập khẩu thủy sản thành phố Hồ Chí Minh đã có thể và lực mới. Khó khăn sắp tới không nhỏ, thử thách càng gay gắt. Năm được cái thuận, cần được cái nghịch đều tùy thuộc vào đội ngũ gần 600 CBCNV luôn phấn đấu vì chữ tín của thương hiệu Seaprodex Sài Gòn. Hy vọng đội ngũ ấy sẽ khơi dậy tiềm năng, đưa Seaprodex Sài Gòn tiến vững chắc trong cơ chế thị trường■

9 THÁNG

HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH DOANH THU

NĂM 2002

◆ HOÀNG MỸ NGHĨA



Sau nhiều năm liên tiếp giành thắng lợi ròn rã, năm 2002 đối với ngành thủy sản nói chung, hoạt động xuất khẩu nói riêng, lại là năm vô cùng khó khăn. Ngay từ cuối năm ngoái, đầu năm nay, việc EU tăng cường kiểm soát chặt chẽ dư lượng kháng sinh trong tôm nhập khẩu đã ảnh hưởng sâu sắc đến cách nhìn nhận đối với chất lượng sản phẩm thủy sản chế biến của ta và tiếp đó nhiều khu vực thị trường khác cũng có những biện pháp “để mất” nhiều hơn đến sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam. Một số lô hàng bị phát hiện có mức dư lượng kháng sinh cao hơn giới hạn cho phép đã bị hủy bỏ, gây nhiều tổn thất cho các nhà xuất khẩu. Rồi đến vụ kiện của Hiệp hội chủ trại cá nheo Hoa Kỳ về việc bán phá giá cá ba sa, cá tra nhập khẩu từ Việt Nam lại gây nên khó khăn cho một chủng loại mặt hàng nữa của ta. Và không biết có còn gì nữa không?

Là một doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản vào loại lớn của các tỉnh phía bắc, Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội (Seaprodex Hà Nội) không khỏi không lo lắng cho hoạt động xuất

khẩu của mình và đã hết sức nỗ lực, bằng mọi cách tìm ra được lối thoát. Vượt lên mọi khó khăn, đến tháng 9 vừa qua, công ty đã đạt 560 tỷ đồng doanh thu, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 13,5 triệu USD, nộp ngân sách 30 tỷ đồng, tương ứng bằng 183%, 162% và bằng hơn 2 lần so cùng kỳ năm ngoái. Riêng về doanh thu công ty đã hoàn thành kế hoạch của cả năm 2002.

Nhằm tạo được sản phẩm có chất lượng đáp ứng đòi hỏi ngày một cao của thị trường, ngay từ đầu năm tập thể lãnh đạo cùng cán bộ công nhân lao động trong toàn công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, biện pháp tích cực đẩy mạnh đầu tư về nhiều mặt, trong đó đầu tư nâng cấp điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thủy sản, tăng cường sản xuất chế biến – kinh doanh xuất nhập khẩu được coi là điều kiện tiên quyết.

Đặc biệt, Nhà máy Chế biến thủy sản Xuân Thủy (Nam Định), khi mới được tiếp nhận làm một thành viên của công ty là một nhà máy cũ kĩ, lạc hậu, cơ sở vật chất nghèo nàn, đời sống công nhân bấp bênh, đến nay đã thay da

đổi thịt. Nhà máy được cải tạo khang trang, đảm bảo yêu cầu vệ sinh. Dàn thiết bị hiện đại gồm 1 tủ cấp đông nhanh của Nhật Bản, 2 máy sản xuất đá vẩy của Mỹ, một dây chuyền IQF và hấp luộc của châu Âu đã được công ty đầu tư lắp đặt tại đây. Với mức đầu tư hơn 14 tỷ đồng, nhà máy đã được mở rộng hơn 2 lần, đưa công suất chế biến lên trên 2.000 tấn sản phẩm/năm, lực lượng công nhân tăng gấp đôi, 700 người thường xuyên có việc làm và thu nhập ổn định. Sản phẩm mang nhãn hiệu "Seaprodex Hà Nội" của nhà máy dần được nhiều khách hàng mới quan tâm.

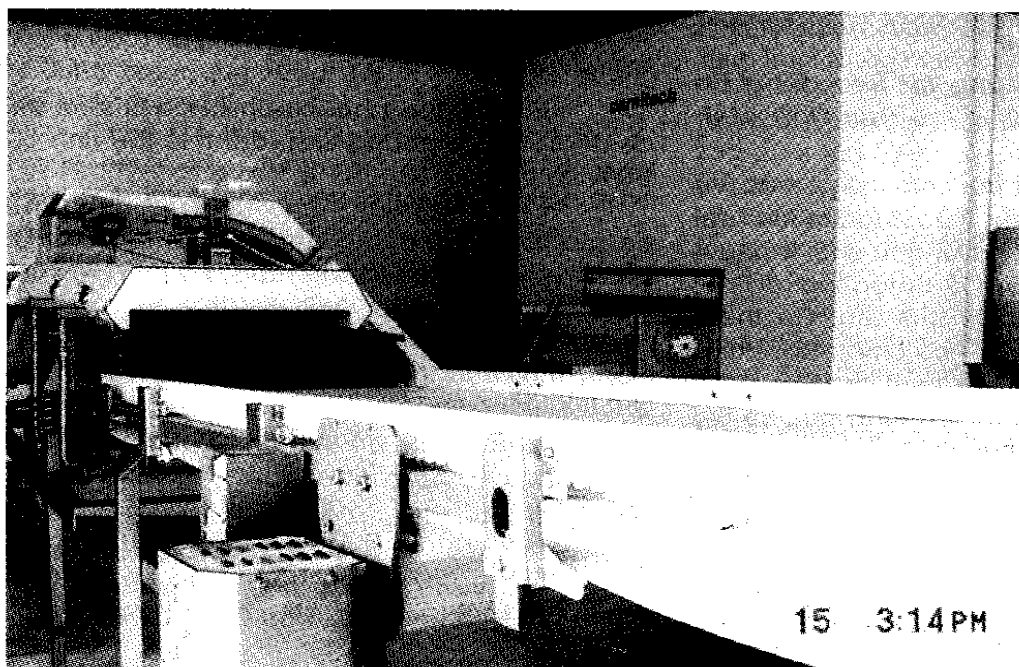
Giám đốc Seaprodex Hà Nội Đặng Đình Bảo cho biết, xuất khẩu thủy sản - loại thực phẩm đòi hỏi chất lượng cao này vào các thị trường xa, khó tính là cực kỳ khó khăn và đặc biệt càng khó khăn hơn đối với các doanh nghiệp ở phía bắc. Phải mạnh dạn, quyết tâm và có trách nhiệm lắm mới dám đầu tư một số vốn lớn như vậy. Nhưng không đầu tư thì sao mình có sản phẩm được thị trường đón nhận nhiệt tình đến thế!

Cùng với việc đầu tư nâng cấp cơ sở chế biến, việc mở rộng thị trường xuất khẩu cũng được công ty luôn luôn chú ý. Để tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới và giới thiệu mặt hàng mới có giá trị gia tăng, đầu năm 2002 Công ty

đã tham gia Hội chợ Thủy sản quốc tế tại Nhật Bản. Ngoài những bạn hàng cũ đã có thêm nhiều sản phẩm của công ty được những bạn hàng mới biết đến. Có thể nói, từ nay đến năm 2004, công ty đã có thể tương đối yên tâm về thị trường tiêu thụ.

Không chỉ tập trung lo đầu tư nâng cấp điều kiện sản xuất, mở rộng thị trường, lãnh đạo công ty còn hết sức chú trọng đến công tác xây dựng Chi bộ Đảng vững mạnh. Các hoạt động Công đoàn, Đoàn Thanh niên cũng luôn được công ty ưu tiên quan tâm để tạo nên một tập thể mạnh, nhằm tăng cường ý thức tổ chức, cải tiến quản lý, tiết kiệm chi phí sản xuất trong công nhân viên chức. Với ý thức "ăn chắc, để dành", từ lãnh đạo đến người công nhân đã biết tiết kiệm từng đồng để cải tạo, nâng cấp nhà xưởng, mua sắm thiết bị máy móc hiện đại, nên nhờ đó, sản xuất kinh doanh đi lên, đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng từng bước được cải thiện.

Những người làm nghề cá cũng như những người quan tâm tới thủy sản, có quyền tin tưởng và hy vọng ngành thủy sản sẽ có nhiều đơn vị như Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội, góp phần đưa ngành hoàn thành thắng lợi chỉ tiêu kế hoạch năm 2002 là 2 tỷ USD ■



Ảnh đầu bài:

*Trụ sở Công ty XNK
Thủy sản Hà Nội*

← *Dây chuyền IQF
và hấp luộc tôm
tại Nhà máy CB thủy sản
Xuân Thủy (Nam Định)*

15 3:14 PM

GIỚI THIỆU CÔNG TRÌNH

ĐĂNG KÝ THAM GIA GIẢI THƯỞNG SÁNG TẠO

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM NĂM 2002

◆ **HOÀNG HÀ**

"Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống và nuôi cá giò *Rachycentron canadum* trong điều kiện Việt Nam" là công trình nghiên cứu của nhóm tác giả ở Viện nghiên cứu Hải sản và Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I, do PGS, TS Đỗ Văn Khương làm chủ nhiệm, được triển khai thực hiện trong 3 năm từ năm 1998 đến năm 2000.

Cá giò là một trong số các đối tượng nuôi biển hiện đang được chú ý nghiên cứu ở nhiều nước châu Á cả ở khía cạnh sản xuất giống và nuôi thương phẩm. Ở nước ta, năm 1999, cá giò là loài cá biển đầu tiên được cho đẻ nhân tạo tại Cát Bà, Hải Phòng.

Qua 3 năm thực hiện, đề tài đã đạt được những kết quả nổi bật sau :

1/ Đã thu thập được những tài liệu đáng tin cậy về mùa vụ, khả năng và đặc tính sinh sản của cá giò

Kết quả nghiên cứu cho thấy, mùa vụ sinh sản của cá giò ở miền Bắc nước ta kéo dài từ tháng 4 đến tháng 6, tập trung từ cuối tháng 4 đến hết nửa đầu tháng 5. Cá thuộc loại đẻ róc và trong vụ sinh sản chỉ đẻ một lần. Cá tham gia đẻ lần đầu khi ở tuổi 3*, có chiều dài trung bình 90cm, khối lượng trung bình $\geq 10\text{kg}$. Vào mùa sinh sản, khối lượng tuyến sinh dục cá cái bằng 8,1 – 9,2% khối lượng cơ thể cá. Sức sinh sản của cá ngoài tự nhiên từ $1,5 \times 10^6$ đến 6×10^6 trứng/cá cái.

Quá trình nuôi vỗ cá giò trong lồng bè ở trên biển được chia thành 2 giai đoạn : nuôi vỗ tính cực từ 2 đến 3 tháng và nuôi vỗ thành thực

kéo dài 3 tháng. Trong quá trình nuôi vỗ thành thực, cần thiết phải bổ sung các loại vitamin tổng hợp, vitamin A, B, C, D, E, chất khoáng và calcimol. Với cá đực, cho ăn thêm 17α methyl testosterone với liều tăng dần từ 0,3 đến 0,8 mg/kg cá trước mùa đẻ từ 45 – 60 ngày. Kết quả thực nghiệm ở Cát Bà cho thấy cá đạt tỉ lệ thành thực 85 – 87%, trong đó một nửa có thể tham gia sinh sản ngay từ đầu vụ.

Đề tài cũng đã thành công trong việc điều chỉnh thời điểm chín sinh dục của cá cái để có nhóm cá đẻ muộn hơn bằng cách thay đổi thời gian bắt đầu nuôi vỗ thành thực và điều chỉnh lượng vitamin cũng như khoáng chất trong suốt quá trình nuôi vỗ.

2/ Kích thích sinh sản, đẻ trứng, thụ tinh và ương nuôi ấu trùng cá giò

Đã sử dụng hoocmôn LHRHa kích thích cá đẻ trứng và phóng tinh, đạt tỉ lệ thụ tinh 30 – 90% và tỉ lệ nở 18 – 87%.

Đề tài đã tiến hành ương nuôi ấu trùng cá giò trong hệ thống bán tuần hoàn của Đan Mạch và hệ thống không tuần hoàn trong xường và bể lớn ngoài trời, với các loại thức ăn khác nhau. Cũng thử nghiệm ương nuôi ấu trùng trong môi trường nước lợ (độ mặn 18 – 20‰) đạt tỉ lệ sống khá cao, 3,75% sau 45 ngày ương.

Năm 1999, đề tài thu 12.000 cá giống cỡ 4-6cm sau 40 ngày ương, đạt tỉ lệ sống hơn 4%. Đã cung cấp cho người nuôi cá ở Hải Phòng, Quảng Ninh hơn 6.000 cá giống cỡ 10-15cm.

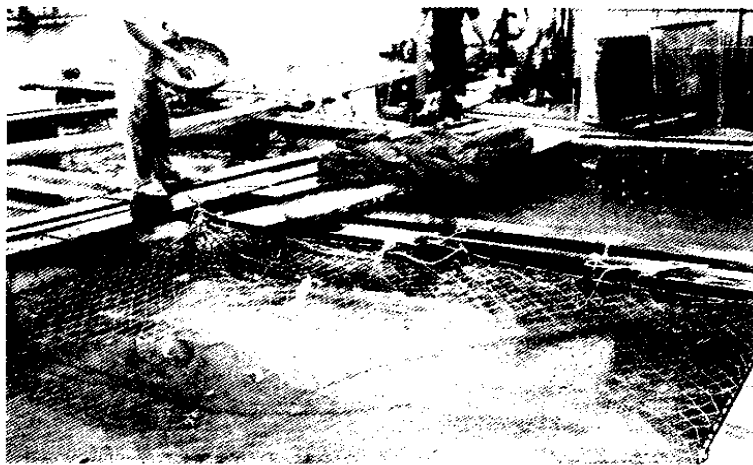
Năm 2000, tiến hành cho cá đẻ 6 đợt, thu hơn 11 triệu trứng, ương được hơn 40 vạn cá

giống cỡ 3-4cm, tỉ lệ sống trung bình 4%.

3/ Nuôi cá giò thương phẩm

Sau 17 tháng nuôi, trung bình cá giò đạt 0,85m chiều dài thân và 4,82kg khối lượng thân. Cá có tốc độ tăng trưởng nhanh, ít bị bệnh trong khi nuôi, có tỉ lệ sống cao, nuôi đạt năng suất 20-25kg/m³ lồng/vụ. Do có hiệu quả kinh tế nên kĩ thuật nuôi cá giò đã được bà con ngư dân ven biển miền Bắc tiếp nhận và tại nhiều địa phương, cá giò đã trở thành một trong những đối tượng nuôi chính của nhiều hộ nuôi cá lồng, bè trên biển.

Công trình "Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống và nuôi cá giò *Rachycentron canadum* trong điều kiện Việt Nam" đăng kí tham gia Giải thưởng Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam năm 2002 thuộc lĩnh vực sinh học phục vụ sản xuất và đời sống, đã được Hội đồng khoa học công nghệ cấp Nhà nước đánh giá đạt loại xuất sắc tại



Cho cá giò ăn

cuộc họp Hội đồng ngày 1/11/2001. Các kết quả nghiên cứu đạt được có thể đưa vào áp dụng trong sản xuất và khuyến khích các dự án áp dụng■

CHÙM TIN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THỦY SẢN

- Năm 2002, Bộ Thủy sản trực tiếp quản lí 14 dự án đầu tư xây dựng cơ bản với tổng số vốn 46,05 tỷ đồng để tăng cường năng lực nghiên cứu cho Công nghệ sinh học và chế biến thủy sản, sửa chữa tàu nghiên cứu Biển Đông, xây dựng 2 Trung tâm quốc gia giống hải sản ở miền Trung và Nam Bộ, 3 Trung tâm quốc gia giống thủy sản nước ngọt ở miền Bắc, miền Trung và Nam Bộ, xây dựng Trạm quan trắc và cảnh báo môi trường đồng bằng Nam Bộ.

Công tác tăng cường năng lực nghiên cứu và sửa chữa xây dựng nhỏ cho các cơ quan nghiên cứu khoa học công nghệ của ngành được thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước.

- Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, năm nay Bộ Thủy sản được giao thực hiện một nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước phục vụ quản lí nhà nước về bảo vệ môi trường. Đó là "Nghiên cứu các giải pháp quản lí môi trường phục vụ sản xuất thủy sản bền vững", với 4 hợp phần:

- Xây dựng chiến lược bảo vệ môi trường ngành thủy sản giai đoạn 2001 – 2010 và kế hoạch hành động bảo vệ môi trường ngành thủy sản đến năm 2005.

- Đánh giá môi trường trong nuôi trồng thủy sản ven biển và đề xuất giải pháp quản lí.

- Cơ sở khoa học hình thành hệ thống quan trắc môi trường để cảnh báo môi trường và dịch bệnh thủy sản.

- Đánh giá việc thực thi Luật Bảo vệ môi trường trong khai thác, chế biến và nuôi trồng thủy sản.

- Trong nhóm các đề tài thuộc chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước, một số đề tài triển khai trong năm nay đã thu được kết quả tốt.

Đề tài KC 06.13.NN "Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số loài cá song *Epinephelus sp* phục vụ xuất khẩu": Đã cho sinh sản nhân tạo, ương nuôi thành công và thu được trên 100.000 con cá song giống (loài *E.cocoides*), đạt tỉ lệ sống 3,1% từ cá bột lên cá cỡ 4 – 5 cm.

Đề tài KC 06.14.NN "Sản xuất giống và nuôi hàu thương phẩm": Đã cho hàu đẻ thành công, thu được 1 triệu hàu giống cỡ 1 – 1,5cm.

Đề tài KC 06.12.NN "Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp chất lượng cao cho một số đối tượng thủy sản nuôi xuất khẩu": Đã nghiên cứu thành phần hóa học của nguyên liệu sản xuất thức ăn tôm, thử nghiệm cho ăn trên tôm sú, tôm càng xanh, cá mú tại phòng thí nghiệm, đánh giá độ bắt mồi để làm cơ sở xây dựng công thức thức ăn phù hợp■

CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ NUÔI CÁ RÔ PHI XUẤT KHẨU THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

◆ TS. PHAM ANH TUẤN

Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I

Cá rô phi hiện đang được nuôi rộng rãi trên thế giới. Ngoài mục đích cải thiện dinh dưỡng cho người dân nghèo, nuôi cá rô phi còn tạo ra sản phẩm hàng hóa ngày càng có sức cạnh tranh cao trên thị trường thế giới. Thị trường cá rô phi trên thế giới tăng nhanh trong 2 thập kỉ qua, đặc biệt ở thị trường Mỹ. Thị trường nhập khẩu cá rô phi trên thế giới năm 1992 mới đạt 2.500 tấn, đến năm 1999 đã là 100.000 tấn. Trong vòng 5 năm qua, nhu cầu nhập khẩu cá rô phi tăng 38%/năm. Đứng đầu các nước nhập khẩu cá rô phi là Mỹ, tiếp sau là Nhật, một số nước châu Âu. Năm 1992, Mỹ nhập 3.400 tấn, năm 2000 nhập 40.000 tấn. Năm 2001, ước tính nhập 70.000 – 75.000 tấn, trị giá 106 – 108 triệu USD.

Trong khi giá một số hàng thủy sản luôn có nhiều biến động thì hầu hết các sản phẩm từ cá rô phi có giá khá ổn định trong vòng 5 năm qua. Giá bán thay đổi ít tạo môi trường kinh doanh tương đối ổn định cho người nuôi cá và hệ thống phân phối tiêu thụ. Cá rô phi với ưu thế: ít dịch bệnh, thức ăn không đòi hỏi chất lượng cao, cá có màu thịt trắng có khả năng thay thế cho một số loại cá biển, cá dễ chế biến theo nhiều loại sản phẩm khác nhau nên được đa số người tiêu dùng chấp nhận. Thị trường cá rô phi trên thế giới hiện tại chưa thật lớn, nhưng theo nhiều dự báo, sẽ có nhu cầu cao và mở rộng với tốc độ nhanh.

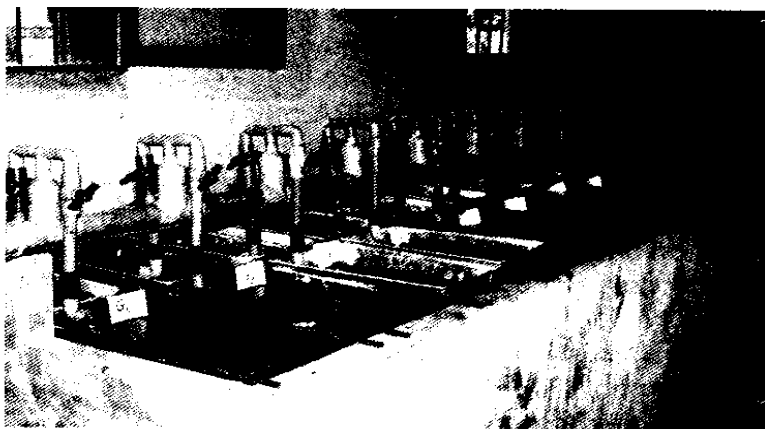
Chủ trương phát triển nuôi cá rô phi ở nước ta là hoàn toàn đúng đắn, góp phần tăng nhanh sản lượng cá nuôi, tăng tỷ trọng sản phẩm thủy sản xuất khẩu được nuôi từ nước ngọt. Nuôi cá rô phi góp phần đa dạng hóa sản

phẩm, tận dụng tốt hơn các vùng nước ngọt hiện có. Nuôi cá rô phi trong nước lợ giúp giảm rủi ro trong nuôi trồng thủy sản, là biện pháp cải tạo môi trường ao nuôi, đặc biệt những vùng nuôi đang bị suy thoái môi trường.

Nước ta có lợi thế về diện tích mặt nước ngọt và lợ (120.000ha ao hồ nhỏ, 340.000ha hồ chứa nước, 580.000ha ruộng trũng, nhiều hệ thống sông ngòi, nhiều vùng nước ven biển với độ mặn thấp) là những vùng nước có thể nuôi cá rô phi, có khả năng mở rộng diện tích, sản xuất với sản lượng lớn. Tuy nhiên, các ao hồ rất phân tán, xa các cơ sở chế biến, gây khó khăn cho tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phần lớn các ruộng trũng đang cấy lúa cần phải qui hoạch, cải tạo lại mới đáp ứng yêu cầu kĩ thuật nuôi cá.

Cá rô phi xuất khẩu cần kích cỡ lớn khi thu hoạch (600 – 1.000g/con), do đó giống nuôi phải là cá đơn tính có chất lượng, đó là giống cá có tỉ lệ đực > 95% được sản xuất từ phẩm giống có chất lượng cao. Thông qua nhập nội và tiến hành chọn giống nâng cao chất lượng di truyền hiện chúng ta đã có một số giống cá rô phi có chất lượng, như cá rô phi dòng GIFT, cá rô phi vằn dòng Thái Lan, và cá rô phi hồng Đài Loan. Cá rô phi GIFT chọn giống có tốc độ sinh trưởng cao hơn cá GIFT nhập nội 17%, đã được cung cấp cho 25 tỉnh/thành trên cả nước để nuôi thành cá bố mẹ thay thế các đàn cá rô phi bố mẹ có chất lượng thấp. Chúng ta đã làm chủ công nghệ chuyển giới tính cá rô phi, có thể chủ động sản xuất hàng loạt cá đơn tính với tỉ lệ cá đực 95 – 100%. Công nghệ chuyển giới tính sản xuất cá rô phi toàn đực cũng đã được chuyển

giao tới một số cơ sở sản xuất cá giống ở một vài tỉnh. Tuy nhiên người nuôi cá hiện đang phải dùng cá giống có chất lượng khác nhau, đa phần giống chất lượng thấp (cá gọi là đơn tính nhưng tỉ lệ đực thấp, < 95%, được sản xuất từ các phẩm giống lai tạp). Mạng lưới sản xuất cá rô phi giống có chất lượng còn ở giai đoạn sơ khai, hầu hết các địa phương chưa có đàn cá rô phi bố mẹ có chất lượng, đạt về kích cỡ, đủ về số lượng. Công suất sản xuất cá đơn tính ở các cơ sở hiện có là rất nhỏ (từ vài vạn đến 3 triệu con/năm) và thiếu ổn định về chất lượng. Do vậy năng lực sản xuất giống hiện có chưa thể đáp ứng nhu cầu giống có chất lượng khi phát triển nhanh việc nuôi cá rô phi xuất khẩu.



Sản xuất giống cá rô phi đơn tính đực



Ươm cá rô phi trong giai

ẢNH : P.V

Sản phẩm cá rô phi nuôi từ cá giống chuyển giới tính sử dụng hoocmôn hiện đang được chấp nhận trên thị trường thế giới, tuy nhiên lo ngại của người tiêu dùng về an toàn thực phẩm, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh thương mại ngày càng gay gắt là điều cần phải tính tới. Để phát triển bền vững việc nuôi cá rô phi xuất khẩu, trên phương diện giống, chúng ta không thể chỉ dựa vào công nghệ chuyển giới tính để tạo cá đơn tính. Xây dựng công nghệ sản xuất cá rô phi đơn tính bằng công nghệ di truyền, nghiên cứu công nghệ tạo cá siêu đực đã được tiến hành ở nước ta, đã tạo được cá rô phi siêu đực, những chưa thể đưa rộng ở phạm vi sản xuất vì tỉ lệ cá đực ở thế hệ con của cá siêu đực còn thấp và thiếu ổn định.

Nuôi cá rô phi trong vùng nước lợ mặn là một lợi thế, nhất là chất lượng cá sản phẩm. Nước ta có điều kiện về diện tích nước lợ, mặn nhưng các phẩm giống rô phi hiện có phù hợp với nuôi ở vùng nước ngọt hơn là nuôi ở vùng nước lợ, mặn. Cá thường đạt tốc độ sinh trưởng nhanh hơn khi nuôi trong nước ngọt. Để mở rộng và nuôi cá rô phi có hiệu quả ở vùng nước lợ mặn, rất cần phát triển các phẩm giống có tính thích ứng cao với độ mặn.

Công nghệ nuôi thâm canh và bán thâm canh cá rô phi thương phẩm đã được xây dựng, bước đầu có kết quả tốt, nuôi thương phẩm đạt

năng suất 20-25 tấn/ha, cỡ cá thu hoạch 500 – 800g/con, hệ số thức ăn 1,7, hạch toán có lãi khi sản phẩm tiêu thụ nội địa. Tuy nhiên trước nhu cầu nuôi sạch, nhất là với cá nuôi từ vùng nước ngọt có mùi bùn, cần có công nghệ quản lý môi trường và xử lý trước khi thu hoạch.

Cá rô phi là đối tượng nuôi rất triển vọng, thị trường có nhu cầu tăng nhanh, cần nhanh chóng đầu tư phát triển. Để sản phẩm cá rô phi nuôi có tính cạnh tranh cao, cần tiếp tục nâng cao chất lượng con giống, tạo phẩm giống có khả năng lớn nhanh hơn và thích ứng với các vùng nước khác nhau, nhanh chóng xây dựng các công nghệ sản xuất giống và nuôi cho sản phẩm sạch. Nhiều nước đã và đang chú ý phát triển nuôi cá rô phi, do vậy nếu có bước đi thích hợp, xác định đầu tư đúng mức để phát triển nhanh, chúng ta sẽ có ưu thế hơn trong cạnh tranh ■

MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ NGHỀ CÁ KHU VỰC ASEAN CON SỐ VÀ SỰ KIẾN

♦ NGUYỄN CHU HỒI, LÊ LAN ANH

Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản

1- GIỚI THIỆU CHUNG

Đông Nam Á là một khu vực rộng lớn của thế giới, có chiều dài 3.300 km từ bắc xuống nam, 5.600 km từ đông sang tây và 4,4 triệu km² diện tích lãnh thổ. Đây là một khu vực có các nền kinh tế đa dạng và năng động, có tiềm năng to lớn về kinh tế biển và phát triển công nghiệp - công nghệ, đóng góp lớn cho thế giới đương đại về nhiều mặt nên đã, đang và sẽ thu hút sự quan tâm của nhiều nước trên thế giới, cũng như các tổ chức quốc tế.

Đến nay, khu vực Đông Nam Á có 11 nước, gồm Brunây, Campuchia, Ấn Độ, Lào, Malaixia, Mianma, Philipin, Xingapo, Thái Lan, Việt Nam và Đông Timo, trong đó Đông Timo mới tách ra khỏi Ấn Độ thành một nước độc lập có chủ quyền vào năm 2001. Mười nước còn lại đều là thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN). Như vậy, xét về góc độ địa lý lãnh thổ, khu vực này trùng với khu vực ASEAN hiện nay, nên khi viện dẫn tài liệu về 10 nước thành viên ASEAN trong bài viết này cũng được hiểu là có thông tin về Đông Timo trong nhóm tin Ấn Độ.

ASEAN là khu vực có môi trường tự nhiên đa dạng và phong phú nhất trên thế giới.

Nguồn tài nguyên thiên nhiên ở đây đóng vai trò to lớn trong việc duy trì nguồn lực phát triển và phúc lợi cho nhân dân các nước trong khu vực.

Điều kiện địa lý đã quyết định các đặc trưng sinh thái và tiềm năng các hệ sinh thái (HST), nguồn tài nguyên môi trường, điều kiện sống và sự phát triển kinh tế-xã hội của mỗi nước trong khu vực. Sự khác xa nhau về địa lý, về lãnh thổ và cơ cấu công nghiệp khiến mỗi nước có sự khác nhau về các vấn đề môi trường và cách thức giải quyết các vấn đề đó. Tuy nhiên, các nước trong khu vực cũng có những quan tâm chung về môi trường, mà nhiều trong số đó chỉ có thể được giải quyết trên cơ sở các nỗ lực chung của toàn khu vực.

Theo thống kê năm 2000, dân số khu vực này khoảng 522 triệu người, trong đó Ấn Độ chiếm 41% và bằng 8,6% dân số toàn cầu. Dự kiến đến năm 2050 sẽ lên đến 799 triệu. Dân số càng tăng khi các yếu tố khác không đổi sẽ là nguyên nhân gia tăng tương ứng nhu cầu sử dụng tài nguyên thiên nhiên và góp phần gây suy thoái môi trường sinh thái trong khu vực.

Trình độ phát triển kinh tế của các nước không đồng đều, rất khác nhau về chủng tộc,

ngôn ngữ, tôn giáo và văn hoá. Đó là điểm đặc trưng đòi hỏi ASEAN phải "thống nhất trong đa dạng" và phát triển đồng đều dựa trên một nền tảng sinh thái bền vững. Vì thế, Tầm nhìn ASEAN 2020 (Kuala Lumpur-15/12/1997) đã phác thảo "...một ASEAN xanh và sạch với đầy đủ các cơ chế cần thiết cho sự phát triển bền vững để bảo đảm giữ gìn môi trường khu vực, sự bền vững của tài nguyên thiên nhiên và chất lượng cuộc sống của người dân..."

2- HỆ SINH THÁI BIỂN VÀ VEN BIỂN

Tổng chiều dài đường bờ biển của 10 nước ASEAN khoảng 173.000 km, gấp khoảng 2 lần toàn bộ chiều dài đường bờ của châu Âu, trong đó Việt Nam có trên 3.600 km. Theo Công ước quốc tế về Luật biển thì mỗi nước có thể thiết lập một vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) của mình trong phạm vi 200 hải lý kể từ bờ biển và có chủ quyền đối với tất cả tài nguyên trong vùng này (đánh bắt hải sản, khai thác khoáng sản và dầu khí...). EEZ của ASEAN hiện nay khá rộng, giàu tài nguyên sinh vật và khoáng sản. Đây là cơ sở nguồn lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế nhiều năm qua và trong tương lai của các nước ASEAN-một nền kinh tế mang

sắc thái biển và dựa vào biển.

Tài nguyên biển và ven biển đóng vai trò sinh thái, kinh tế và xã hội hết sức thiết yếu trong khu vực ASEAN. Vùng biển và ven biển có chức năng nhấn chìm các chất thải nguồn lục địa, cung cấp sinh kế trực tiếp và gián tiếp cho hàng triệu người dân khu vực ASEAN, cung cấp thực phẩm, duy trì chu trình nước, điều hoà điều kiện khí hậu và duy trì cân bằng sinh thái rất phức tạp của các HST biển và ven biển. Trong các HST khu vực này, rừng ngập mặn chiếm 35% và rạn san hô chiếm 25-30% tổng diện tích phân bố toàn cầu, còn thảm cỏ biển phân bố rộng khắp ở các vùng cửa sông ven biển và đầm phá. Trong vùng rạn san hô ASEAN, chỉ số đa dạng loài thuộc loại cao nhất thế giới. Indônêxia và Philipin là những trung tâm san hô của thế giới. Mỗi thảm cỏ biển rộng khoảng 0,4 ha có thể thu được 86.000 USD từ các sản phẩm thủy sản như vậy.

"Kế hoạch hành động Hà Nội" đã được Hội nghị thượng đỉnh ASEAN thông qua tại Hà Nội năm 1998 yêu cầu xây dựng một khuôn khổ và cải thiện sự hợp tác trong khu vực về bảo vệ và quản lý tổng hợp đới bờ biển, cho thấy sự



Biển đảo Phú Quốc

ẢNH : H.M.T

cần thiết phải xây dựng một Kế hoạch hành động khu vực để bảo vệ môi trường biển trước tác động của các hoạt động phát triển trên đất liền và trên biển.

Những đe dọa đối với tài nguyên biển và ven biển bao gồm: ô nhiễm, hoạt động tàu thuyền, tràn dầu do tai nạn tàu thuyền, sa bồi do xói mòn đất, đánh bắt cá quá mức, khai thác hải sản bằng các phương pháp huỷ diệt. Theo đánh giá năm 2001, khoảng 58% rạn san hô toàn cầu đang chịu rủi ro, trong đó 27% ở mức rủi ro cao và rất cao. Trong khi ở khu vực ASEAN các con số tương ứng là: 80% và 55%. Năm 1993, các nhà khoa học đã cho biết môi trường sống của cỏ biển ở khu vực đang bị phá huỷ nhanh chóng. Ở Ấn Độ, khoảng 30% tới 40 % các thảm cỏ biển đã bị mất từ 50 năm trước và tới 60 % hiện đang bị phá huỷ ở Java. Tại Thái Lan, khoảng 20-30% thảm cỏ biển đã bị mất, còn ở Philippin số lượng cỏ biển bị mất lên tới 30%-50%. Việt Nam đến nay đã phát hiện được 15 loài cỏ biển, phân bố từ bắc vào nam, dọc bờ biển hoặc ven các vùng cửa sông, đầm phá. Do không hiểu rõ vai trò và chức năng của hệ sinh thái cỏ biển, nên cỏ biển được người dân khai thác làm phân bón, thức ăn gia súc hoặc phá bỏ để khai quang vùng nước nuôi thủy sản...

Các nước thành viên ASEAN đang giải quyết những mối đe dọa này bằng việc đề ra các Kế hoạch hành động cụ thể cho phát triển bền vững và quản lý tài nguyên biển và ven biển, xây dựng khuôn khổ hợp tác và trao đổi thông tin, nâng cao nhận thức của cộng đồng về sự cần thiết phải quản lý hiệu quả tài nguyên biển và ven biển.

3- NGHỀ CÁ ASEAN

Vùng biển ASEAN rất giàu tài nguyên sinh vật biển với khoảng 2500 loài cá và rất nhiều loài động vật không xương sống. ASEAN là khu vực sản xuất quan trọng về khai thác và nuôi trồng thủy sản. Sản xuất thủy sản ở ASEAN chiếm khoảng 14% tổng sản lượng thế giới, còn xuất khẩu chiếm 15%. Người dân ASEAN tiêu thụ khoảng 20kg thủy sản/người/năm. Thủy sản cung cấp gần một nửa lượng protein động vật cho người dân ở đây.

Sức ép đối với nguồn lợi hải sản ngày

càng tăng do nhu cầu xuất khẩu và tiêu thụ nội địa cũng tăng không ngừng. Khai thác quá mức đã dẫn đến làm giảm sản lượng của một số lượng lớn loài. Nhiều quần đàn cá nhỏ ven bờ của ASEAN gần như đã bị khai thác hết, trong số này có cá thu và cá sòng tròn ở vùng eo biển Malaca, vịnh Thái Lan; cá sòng tròn của Philippin và cá trích ở eo biển Bali. Các vấn đề môi trường khác đang tác động đến nguồn lợi hải sản là suy giảm chất lượng nước biển, suy thoái các nơi cư trú ven biển do các chất thải, đánh bắt hải sản bất hợp pháp và khai thác bằng các phương pháp huỷ diệt như đánh cá bằng chất độc xianua và thuốc nổ ở vùng rạn san hô.

Trung tâm Phát triển nghề cá Đông Nam Á (SEAFDEC) đang thực hiện một số biện pháp như đẩy mạnh chế biến thủy sản truyền thống, khuyến khích nuôi trồng thủy sản hòa hợp với rừng ngập mặn, bảo tồn và quản lý các loài rùa biển, mở rộng việc kiểm tra, dự báo các bệnh về thủy sản, các phương pháp sản xuất giống nhân tạo, cải tiến hệ thống thống kê thủy sản, xây dựng các hướng dẫn chung cho việc hợp lý hoá bộ luật thực thi nghề cá trách nhiệm.

Để có thể đáp ứng nhu cầu lâu dài về các sản phẩm thủy sản trong khu vực ASEAN, các Bộ trưởng Thủy sản đã thông qua "Giải pháp phát triển thủy sản bền vững để đảm bảo an ninh thực phẩm khu vực ASEAN". Giải pháp gồm 16 điểm tập trung vào các hướng dẫn mang tính khu vực để thực hiện "Bộ luật thực thi nghề cá trách nhiệm"; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan Chính phủ; tăng cường nguồn nhân lực; hợp tác kỹ thuật trong khu vực; việc quản lý thủy sản một cách có hiệu quả; các hệ thống thống kê thủy sản quốc gia; thủy sản nội địa và nuôi trồng thủy sản, môi trường và đa dạng sinh học, công nghệ sau thu hoạch; vị trí và các cách tiếp cận liên kết của ASEAN trong thương mại thủy sản quốc tế.

Các Bộ trưởng cũng đã kêu gọi sự hợp tác giữa tất cả các bên liên quan để giải pháp đạt được hiệu quả cao nhất và giao nhiệm vụ cho các quan chức cấp cao ASEAN-SEAFDEC tiếp tục thực hiện "Kế hoạch hành động phát triển thủy sản bền vững để đảm bảo an ninh thực phẩm trong khu vực" đã được thông qua vào ngày 24/11/2001■

BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN trên địa bàn thành phố Hà Nội

◆ CẨM VÂN

Tuy không nằm trong danh sách các tỉnh nghề cá trọng điểm, song công tác bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sinh vật trên địa bàn thành phố Hà Nội có vị trí, vai trò quan trọng, bởi Hà Nội :

- Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản lớn, ước khoảng 25.000 tấn qui tươi/năm, trong đó sản phẩm hải sản 11 – 15 ngàn tấn; các loại tôm, cá từ các tỉnh bạn chuyển về từ 3 – 4 ngàn tấn và Hà Nội tự nuôi 7 – 7,5 ngàn tấn.

- Diện tích mặt nước có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản khoảng 6.000ha, bao gồm : ao, hồ nhỏ là 1.350ha, mặt nước lớn 950ha và ruộng trũng trên 3.000 ha. Hà Nội có 5 sông lớn chảy qua : sông Hồng 37km, sông Đuống 22 km, sông Cà Lồ 20km, sông Cầu 12km, sông Nhuệ 12km.

- Là nơi tập kết trung chuyển một khối lượng hàng thủy sản lớn đi cả nước và xuất khẩu, trong đó có cả con giống thủy sản. Qua khảo sát ở một số điểm cho thấy ở các đầu mối giao thông hàng ngày có từ 10 – 15 tấn thủy sản các loại và hàng chục triệu con giống thủy sản (tôm, cá giống) quá cảnh đi các tỉnh phía bắc hoặc xuất khẩu qua Trung Quốc theo đường tiểu ngạch.

- Hà Nội là thành phố có nhiều hồ lớn trong nội thành, có sông Hồng chảy qua với nhiều giống loài thủy sinh vật quý hiếm, trong đó có các loài cá nổi tiếng như : cá chiên, lăng, trắm đen... và đặc biệt rùa hồ Hoàn Kiếm.

Nhận thức được vấn đề trên, đặc biệt từ 1998 trở lại đây, UBND thành phố đã có sự quan tâm đáng kể đối với công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn, đã ban hành một số văn bản chỉ thị, hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản, Chỉ thị 01/1998/CT-TTg ngày 2/1/1998 của Thủ tướng Chính phủ về nghiêm

cấm sử dụng chất nổ, xung điện và chất độc để khai thác thủy sản; thành lập ban chỉ đạo và ngày 11/4/2000 UBND thành phố đã ký Quyết định số 1510/QĐ-UB chính thức giao nhiệm vụ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cho Trung tâm Giống thủy sản Hà Nội. Phong trào toàn dân tham gia BVNLTS đã được phát động rộng rãi khắp các quận huyện, đặc biệt các huyện ngoại thành và đã thu được những kết quả đáng khích lệ, nhiều vụ vi phạm sử dụng xung điện đã kịp thời phát hiện và xử lý. Trong 2 năm (2000 – 2001), Trung tâm giống Thủy sản đã phối hợp với UBND các huyện ngoại thành mở 10 lớp tập huấn về công tác BVNLTS cho hơn 700 cán bộ chủ chốt tại các huyện, xã và những người tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản; xây dựng một phóng sự "Công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn Thủ đô - Thực trạng và giải pháp"; điều tra, đánh giá thực trạng về nguồn lợi về môi trường sống của các loài thủy sản trên các thủy vực... tạo thuận lợi cho việc tăng cường triển khai Pháp lệnh Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh trên địa bàn thành phố.

Mặc dù đã có những chuyển đáng kể trong công tác BVNLTS trên địa bàn thành phố, tuy nhiên so với cả nước công tác này vẫn còn nhiều hạn chế, nhiều giống loài thủy sản, đặc biệt trên sông Hồng, các hồ lớn trong nội thành vẫn tiếp tục có nguy cơ tuyệt chủng. Chất lượng môi trường sống của các loài thủy sản bị xuống cấp. Qua khảo sát cho thấy ở một số khu vực nuôi thủy sản tập trung, các hồ lớn trong nội thành, các nguồn nước chưa được kiểm soát thường xuyên, hiện tượng dịch bệnh đã xảy ra cục bộ một số điểm, đặc biệt tháng 8/2002, tại xã Tam Hiệp, Thanh Trì cá nuôi đã chết hàng loạt, gây thiệt hại đáng kể về mặt kinh tế và ảnh

hưởng đến phong trào nuôi cá trên địa bàn thành phố.

Có nhiều nguyên nhân, song trước hết phải kể đến :

Hà Nội chưa có cơ quan chuyên trách về công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Trung tâm Giống thủy sản được giao bổ sung nhiệm vụ BVNLTS, song là đơn vị sự nghiệp có thu, có nhiều bất cập về mặt pháp lý khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, trong đó có công tác kiểm tra, thanh tra công tác BVNLTS trên địa bàn thành phố.

Thiếu các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác BVNLTS phù hợp với đặc điểm của thành phố.

Công tác thông tin, tuyên truyền giáo dục nhận thức về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn thành phố tuy đã đạt được những kết quả nhất định trong 2 năm gần đây, song so với yêu cầu còn nhiều hạn chế.

Để khắc phục tình trạng trên, hoạt động BVNLTS trên địa bàn thành phố trong thời gian tới cần tập trung vào :

Điều tra, đánh giá lại thực trạng nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sinh vật ở các thủy vực, xây dựng chương trình, kế hoạch bảo vệ, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn thành phố.

Xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản và các văn bản có liên quan, làm cơ sở cho việc kiểm tra, thanh tra BVNLTS.

Thành lập Chi cục BVNLTS để tham mưu giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sinh vật trên địa bàn thành phố.

Phối kết hợp với Cục BVNLTS, các cơ quan BVNLTS thuộc các tỉnh, thành phố, các lực lượng khác có liên quan để triển khai đồng bộ các hoạt động nhằm kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển các hàng thủy sản sống, các loại thuốc, hóa chất... sử dụng trong nuôi trồng thủy sản quá cảnh qua các đầu mối giao thông của Hà Nội■

HOẠT ĐỘNG THI ĐẤU THỂ THAO KHU VỰC PHÍA BẮC NHÂN DỊP 10 NĂM NGÀY THÀNH LẬP CĐ THỦY SẢN VIỆT NAM (20/10/1992-20/10/2002)

Ngày 18 và 19/9/2002, tại Hà Nội và Bắc Ninh, Công đoàn Thủy sản Việt Nam đã tổ chức thi đấu thể dục thể thao khu vực phía bắc của ngành thủy sản. Tham gia giải gồm 142 vận động viên của 6 đơn vị là : CĐ cơ quan Bộ Thủy sản, CĐ Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I, CĐ Trung tâm Thông tin KHKT và KT Thủy sản, CĐ Viện Kinh tế và Qui hoạch Thủy sản, CĐ Công ty Tư vấn Đầu tư và Thiết kế thủy sản, Viện nghiên cứu Hải sản, Trường trung học Kỹ thuật Thủy sản IV.

Sau 2 ngày thi đấu tích cực, sôi nổi, ban tổ chức đã tổng kết và trao các giải thưởng như sau:

1/ *Bóng đá mini* : Giải nhất : CĐ Trung tâm Thông tin KHKT và KT Thủy sản; Giải nhì : CĐ cơ quan Bộ Thủy sản; Giải ba : CĐ Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I.

2/ *Bóng chuyền nam* : Giải nhất : CĐ Công ty Tư vấn Đầu tư và Thiết kế; Giải nhì : CĐ Viện Kinh tế và Qui hoạch Thủy sản; Giải ba : CĐ Viện nghiên cứu Hải sản.

3/ *Cầu lông đôi nam* : Giải nhất : CĐ Trường trung học Kỹ thuật Thủy sản IV; Giải nhì : CĐ Viện nghiên cứu Hải sản; Giải ba : CĐ Công ty



Tư vấn Đầu tư và Thiết kế.

4/ *Cầu lông đôi nữ* : Giải nhất : CĐ Trường trung học Kỹ thuật; Giải nhì : CĐ Trung tâm Thông tin KHKT và KT Thủy sản; Giải ba : CĐ Trung tâm Thông tin KHKT và KT Thủy sản

5/ *Cầu lông đôi nam, nữ* : Giải nhất : CĐ Trường trung học Kỹ thuật Thủy sản IV; Giải nhì : CĐ Công ty Tư vấn Thiết kế và Đầu tư; Giải ba : CĐ Cơ quan Bộ Thủy sản■

Tin Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản tháng 9/2002

AN GIANG

Chi cục đã phối hợp với Chi cục Thú y kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc thú y thủy sản trong tỉnh phát hiện 7 cơ sở bán thuốc có chứa hoạt chất cấm sử dụng, loại thuốc có tên Customix – 1680, không nằm trong danh mục cho phép lưu hành. Kiểm tra ở một số vùng nuôi trọng điểm thấy, đa số hộ nuôi cá bè thường dùng thuốc kháng sinh dùng cho người để giúp cá tăng cường sức đề kháng và trị một số bệnh về đường ruột ở cá. Kiểm tra hoạt động khai thác cá bột tại 2 xã Vĩnh Hòa và Vĩnh Xương (huyện Tân Châu) thu 4 thùng đầy cá tra bột và 4 dú đầy cá.

BÌNH THUẬN

Chi cục phối hợp với công an thành phố Phan Thiết bắt giữ 1 xe ô tô và 1 xe máy vận chuyển gần 210 kg còi điệp trong thời gian cấm khai thác, vận chuyển, thu mua, chế biến.

Lần đầu tiên Chi cục cử một đoàn cán bộ đi kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện Phú Quý, tiến hành kiểm tra 13 cơ sở thu mua, bảo quản nguyên liệu thủy sản, lập 10 biên bản về vi phạm các qui định, tiêu chuẩn ngành.

BẾN TRE

Lượng giống nhập về tỉnh thời gian qua ít do mưa nhiều và độ mặn giảm. Chi cục đã lấy 4 mẫu phân tích bệnh đốm trắng, kết quả đều sạch bệnh, tôm nuôi phát triển bình thường. Hiện những khu vực nuôi công nghiệp đã bắt đầu thu hoạch, sản lượng bình quân khoảng 4-5 tấn/ha. Kiểm tra điều kiện hoạt động ở các cơ sở sản xuất và kinh doanh giống ở Ba Tri và Bình Đại đều đạt yêu cầu. Cấp 83 giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể 2 mảnh vỏ với khối lượng 3.570.100 kg.

CÀ MAU

Hiện có 4.548 chiếc tàu khai thác hải sản, trong đó hơn 1.000 chiếc đủ khả năng đánh bắt xa bờ. Theo điều tra của ngành thủy sản Cà Mau, khoảng 30% tàu công suất lớn không trang bị phao cứu sinh, áo phao cho thuyền viên. Số phương tiện còn lại có trang bị nhưng cũng chỉ cho khoảng 70% số người trên tàu. Riêng với tàu công suất vừa và nhỏ đánh bắt ven bờ, số không trang bị phao cứu sinh chiếm tới 70%. Cao điểm mùa mưa bão đã đến, sự coi thường này của người dân có thể gây hại đến tính mạng và tài sản của chính họ.

ĐÀ NẴNG

Chi cục đã mời 134 chủ trại tôm sú giống hợp để triển khai thực hiện công bố chất lượng và cách ghi nhãn hàng hóa theo qui định, đồng thời phổ biến một số văn bản qui phạm pháp luật liên quan. Triển khai đăng kiểm tàu cá cho phường Nại Hiên Đông và nhập số liệu vào phần mềm quản lý tàu thuyền nghề cá. Đã kiểm tra hơn 100 phương tiện nghề cá, xử phạt 17 phương tiện vi phạm hành chính về đăng kí, đăng kiểm tàu cá

TIỀN GIANG

Chi cục phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra việc sử dụng urê và hàn the để bảo quản nguyên liệu thủy sản tại 2 điểm : cảng cá Vàm Láng và cảng cá Mỹ Tho, phát hiện 4 mẫu có chứa hàn the nguyên chất trên tàu khi cập cảng và 2 mẫu tôm ướp muối hàn the.

Trong khai thác hải sản, một số chủ tàu phải ngừng hoạt động hoặc chuyển nghề do vay nặng lãi, không trả hết nợ. Ở Vàm Láng – Kiểng Phước có 4 ha tôm bị bệnh đốm trắng, thiệt hại 100%.

Trang tin có sự cộng tác của các Chi cục BVNLTs

TN THỨC ĂN

cho ấu trùng tôm he

Kể từ khi Fujinaga lần đầu tiên nuôi tôm thành công vào năm 1942, các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi tôm qui mô lớn đã tác động đáng kể trên toàn thế giới. Lúc đầu, người ta chú ý nhiều tới khả năng sinh sản của tôm nuôi, nhưng sau này lại tập trung vào việc xác định các nhu cầu dinh dưỡng của tôm và phát triển công nghệ sản xuất thức ăn. Trong tương lai, thành công của nghề nuôi phụ thuộc chủ yếu vào lĩnh vực này, vì thức ăn là chi phí đầu vào lớn nhất, chiếm 50-60% tổng chi phí nuôi từ giai đoạn ấu trùng tới khi tôm đạt cỡ thương phẩm.

Trong tự nhiên, ấu trùng tôm sống bằng động thực vật phù du và các vật thể không sống. Dạng thức ăn và cơ chế bắt mồi liên quan tới những đặc điểm của các giai đoạn ấu trùng khác nhau và hình thái chức phận các phần phụ của chúng. Ở họ tôm He, giai đoạn ấu trùng đầu tiên (nauplius) không ăn mồi mà tự dưỡng bằng noãn hoàng trong túi noãn. Sau 2-3 ngày, chúng bắt đầu ăn thực vật phù du kích cỡ 3-10µm; sau 5 ngày các ấu trùng protozoa chuyển sang giai đoạn mysis và ăn dạng hạt có cỡ lớn gấp 10 lần thức ăn của ấu trùng protozoa. Hậu ấu trùng (postlarvae) ăn thức ăn dạng hạt cỡ lớn hơn nữa khi chuyển từ tập tính ăn tập sang ăn động vật, tùy theo loài.

Dựa trên nghiên cứu các bộ phận của miệng và phần phụ bắt mồi, ấu trùng tôm họ tôm He có thể chia thành 2 loại: ăn lọc và ăn động vật. Ấu trùng protozoa và mysis thuộc loại ăn lọc, postlarvae thuộc loại ăn động vật.

CÁC THỨC ĂN TRUYỀN THỐNG CHO ẤU TRÙNG

Việc thiếu thông tin về bản chất cụ thể của thức ăn cho ấu trùng tôm đã hạn chế phát triển nghề nuôi trong một thời gian dài. Năm 1942, việc Fujinaga nuôi *Skeletonema costatum* làm thức ăn cho ấu trùng protozoa tôm he

Nhật Bản *P.japonicus* đã mở đường cho việc nuôi chuyên *S.costatum* để ương đại trà ấu trùng tôm.

Từ lâu, *Artemia salina* đã được sử dụng để nuôi ấu trùng mysis và postlarvae các thời kỳ đầu. Đây là một trong những loại thức ăn sống tốt nhất để nuôi ấu trùng tôm, nhưng không được sử dụng rộng rãi tại các trại ương tôm giống do giá đắt và chất lượng cũng như giá trị dinh dưỡng khác nhau tùy theo từng dòng. Người ta cho rằng hiệu quả hơn là dùng luân trùng *Brachionus* spp. để thay thế. Có thể bảo quản lạnh các loài giun tròn sống tự do như *Panagellus* và các giáp xác *Moina* spp. để làm thức ăn cho ấu trùng ở các giai đoạn sớm.

CÁC LOẠI THỨC ĂN KHÔNG SỐNG VÀ KHÔNG THÔNG DỤNG

Bột đậu nành cỡ dưới 100µm, dùng riêng và kết hợp với tảo silic đã được sử dụng thành công để nuôi ấu trùng protozoa tôm *P.japonicus*. Bột biển, tảo sợi và dịch chiết *Sargassum*, chất mùn cửa sông, chiết xuất lên men của tảo, lòng đỏ trứng và lá cây rừng ngập mặn phân hủy là các loại thức ăn không thông dụng đã được sử dụng để nuôi ấu trùng tôm. Ấu trùng các loài họ tôm He đã được nuôi thành công từ giai đoạn protozoa lên các giai đoạn khác bằng thức ăn là *Acetes indicus*, *Palaemon tenuipes* và *Mesodopsis* spp. Người ta cũng đã thử dùng phụ phẩm bột đậu nành và các loại thức ăn khô chứa 32% protein thô và 8% lipit thay thế bột cá trong một thực nghiệm kéo dài 6 tuần. Bổ sung 30g bột cá/100g thức ăn đã làm tăng khả năng chuyển hóa protein.

CÁC LOẠI THỨC ĂN NHÂN TẠO

Năm 1995, hai nhà khoa học là Martir và Canavate đã nghiên cứu xác định ấu trùng

tôm *P.japonicus* ưa loại nào hơn giữa thức ăn viên cỡ nhỏ và thực vật phù du bằng phương pháp thành phần sắc tố ruột. Họ không quan sát thấy sự khác biệt trong việc lựa chọn giữa hai loại thức ăn này ở ấu trùng giai đoạn zoea. Tuy nhiên, ở giai đoạn ấu trùng mysis, chúng lại ưa loại thức ăn viên cỡ nhỏ có thành phần gồm bột mực ống, chất chiết xuất mực ống, men dầu mỏ, gluten hoạt tính, tinh bột alpha, hỗn hợp chất khoáng và vitamin. Thức ăn nhân tạo cỡ phù hợp phải nổi lơ lửng trong nước để ấu trùng có thể ăn được. Năm 1979, Jones và cộng sự đã dùng thức ăn viên cỡ nhỏ nuôi ấu trùng tôm *P.japonicus* đạt tỉ lệ sống 50%. *Metapenaeus dobsoni* sấy khô xay thành bột mịn cũng được cho ăn thử nghiệm. Năm 1995, hai nhà khoa học Ấn Độ là Sudarsanam và Sukumaran khẳng định đã nuôi ấu trùng tôm sú *P.monodon* đạt tỉ lệ sống rất cao bằng thức ăn viên cỡ nhỏ chế biến từ lòng đỏ trứng có bổ sung các vitamin.

Tại Ấn Độ, ấu trùng tôm *P.indicus* hiện được ương thành công từ giai đoạn protozoa lên postlarvae bằng thức ăn viên cỡ nhỏ chế biến từ tôm tít, phụ phẩm tôm, bánh bả lạc, bột cá và bột sắn, nhưng chỉ đạt tỉ lệ sống 35%. Với tiến bộ trong kỹ thuật tạo viên thức ăn, thức ăn viên cỡ 20 -100µm chế biến từ ngao *Tapes philippinarum*, bánh đậu nành và thức ăn tinh chế như loại đã được Kanazawa và cộng sự chế biến để nuôi ấu trùng tôm *P.japonicus* từ giai đoạn protozoa lên postlarvae. Cỡ hạt phù hợp nhất cho ấu trùng protozoa là từ 1-10µm. Khi chuyển sang giai đoạn mysis I và II, chúng chọn thức ăn lớn hơn, khoảng 28µm, postlarvae bắt mỗi cỡ 28µm. Theo Tuburan và cộng sự, dùng thức ăn hỗn hợp gồm ốc bươu, bột sắn và bột ngô cho thấy ấu trùng tôm sú tăng trưởng tốt hơn và kích cỡ đồng đều hơn. Bổ sung thêm rong sụn *Kappaphycus alvarezii* và rong câu *Gracilaria heteroclada* làm chất kết dính thức ăn nuôi tôm có nguồn gốc đậm nuôi ấu trùng tôm sú *P.monodon* đạt kết quả và tạo sinh khối tốt hơn.

LIỀU LƯỢNG VÀ TẦN SUẤT CHO ĂN

Đến nay người ta hiểu rõ rằng sự tăng trưởng và tỉ lệ sống của ấu trùng hoàn toàn phụ thuộc vào việc tôm bắt mồi và tiêu hóa thức ăn. Tại thời điểm này, thông tin về lượng thức ăn ấu trùng tiêu thụ và tần suất bắt mồi rất quan trọng. Liều lượng thức ăn chiếm khoảng 3-20% khối lượng ấu trùng tôm/ngày và tần suất bắt mồi tỉ lệ

ngược với cỡ ấu trùng.

Năm 1998, Villagas và cộng sự đã ghi nhận được tỉ lệ sống cao nhất đạt 76,8% ở ấu trùng tôm sú *P.monodon* nuôi bằng hỗn hợp *Chaetoceros* và men bánh mì với liều lượng cho ăn tương ứng là 10 - 50 x 10³ tế bào/ml và 1g/tấn/ngày. Venkataramiah và các cộng sự đã quan sát thấy ấu trùng có chiều dài cơ thể 9-15mm bám lấy và gặm thức ăn viên đường kính 10-12mm. Lượng tiêu thụ thức ăn của tôm *P.aztecus* phụ thuộc vào nhiệt độ nước, tiếp đến độ mặn. Ở 31°C, loài này bắt mồi tích cực với tỉ lệ thức ăn hơn 11%. Ở 21°C, chúng tỏ ra uể oải và không ăn mồi khi cho ăn với tỉ lệ thức ăn 8%.

Năm 1997, Oseni và Avelino đã chứng tỏ mật độ nuôi cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến liều lượng cho ăn. Họ pha trộn loại thức ăn gồm bột cá chế biến tại chỗ và bột đậu đũa, không bổ sung vitamin và muối khoáng. Kết quả cho thấy tốc độ tăng trưởng và tỉ lệ sống đạt cao nhất khi thả với mật độ 5 con/m² và thấp nhất với mật độ 20 con/m². Năm 1979, Jones và cộng sự ghi nhận rằng ấu trùng tôm *P.japonicus* chết trong vòng 10 ngày ở giai đoạn mysis I khi cho ăn với tỉ lệ 100 viên thức ăn cỡ nhỏ/ml, nhưng ấu trùng biến thái tốt từ giai đoạn protozoa sang postlarvae khi cho ăn với liều lượng cao hơn từ 5-10 lần. Nếu cho ăn với liều lượng 1.000 viên thức ăn cỡ nhỏ/ml, ấu trùng chết nhiều ở giai đoạn protozoa. D'Souza và Kelly áp dụng cách tiếp cận mới nuôi ấu trùng tôm *P.semisulcatus* cho ăn có kiểm soát bằng tảo *Tetraselmus suecia* nuôi cấy trong môi trường giàu và nghèo nitơ cho thấy kết quả tốt hơn thể hiện ở tần suất lột vỏ và tảo nuôi trong môi trường giàu nitơ có tỉ lệ năng lượng protein cao hơn trong môi trường nghèo nitơ.

Còn phải kể tới một vài yếu tố khác có vai trò quan trọng như ngày tuổi, tập tính, điều kiện sinh lí của loài, ánh sáng, cơ chất, thành phần sinh khối, các đặc điểm lí - hóa của thức ăn và tỉ lệ ăn mồi,.... Đã nhận thấy rằng cho ăn 3 - 4 lần/ngày tốt hơn cho ăn 1 lần/ngày, thức ăn phải đặt gần ấu trùng, dễ bám, dễ tiêu, dễ chuyển hóa và đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của ấu trùng. Ngoài ra, thức ăn không được làm ô nhiễm môi trường nuôi ấu trùng■

LÊ HÀ dịch

Theo INFOFISH International 3/2002

NÊN CHẴNG CÓ MỘT KHU NGHỈ DƯỠNG cho người lao động nghề cá ?

◆ **HOÀNG MINH TUƠNG**



Trụ sở Trung tâm điều dưỡng thủy sản Sầm Sơn

Quân đội..., nhưng chỉ đến bãi biển Sầm Sơn, Thanh Hóa, tôi mới phát hiện ra một địa chỉ nghỉ dưỡng hiếm hoi và độc nhất vô nhị của ngành thủy sản. Ấy là *Trung tâm điều dưỡng thủy sản Sầm Sơn (TTĐDTSSS)*.

Nằm nép bên chân núi Trường Lệ, TTĐDTSSS là một khu nhà cấp bốn tọa lạc trên diện tích hơn 3.800 mét vuông, nhìn ra đường Thanh Niên, cách một dãy phố thì đến bãi tắm A, cạnh đến Độc Cước nổi tiếng. Nơi đây, trước năm 1999 vốn là khu đất của một xí nghiệp thủy sản tỉnh Thanh Hóa, do làm ăn thua lỗ, phải nhượng lại cho

ẢNH: H.M.T

Công đoàn Thủy sản Việt Nam. So với Trung tâm điều dưỡng cũ của ngành thủy sản ở Đồ Sơn (cách biển 5 cây số), thì địa điểm nơi đây quả là lý tưởng.

Theo giám đốc Nguyễn Thị Thoa, một trong năm cán bộ của đơn vị thủy sản bị thua lỗ được "chuyển nhượng" kèm theo khu đất, thì nơi đây khi bàn giao về Công đoàn Thủy sản Việt Nam quản lý, hai dãy nhà ngói cấp bốn đã dột nát, đường điện nước bị hỏng. Dẫu có tận dụng làm nhà trọ cho khách du lịch mùa hè thì cũng ít người dám đến ở. Lãnh đạo Công đoàn Thủy sản Việt Nam động viên: "Anh chị em hãy an tâm. Công đoàn đang báo cáo với Bộ và Tổng Liên đoàn xin đầu tư xây dựng nơi đây thành

Đi hầu khắp các khu nghỉ dưỡng, du lịch của cả nước; từ trong Nam ra với các bãi biển nổi tiếng Phú Quốc, Hà Tiên, Vũng Tàu, Phan Thiết, Nha Trang, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Hội An, Đà Nẵng, Cửa Tùng, Nhật Lệ, Cửa Lò; từ ngoài Bắc vào với các bãi biển Trà Cổ, Hạ Long, Đồ Sơn, Đông Châu, Thịnh Long... (ấy là chưa kể các khu nghỉ dưỡng trên núi tuyết với Đà Lạt, Bà Nà, Bạch Mã, Sa Pa, Tam Đảo, Ba Vì, Mẫu Sơn...); ở đâu cũng san sát những biệt thự, khách sạn, nhà nghỉ của đủ các ngành, các giới, từ Du lịch, Thương mại tới Công nghiệp, Nông nghiệp, Xây dựng, Giao thông, Bưu điện, Văn hóa, Giáo dục, Y tế, Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn, Hải quan, Tài chính, Công an,

trung tâm nghỉ dưỡng của những người lao động nghề cá". Được lời như cởi tấm lòng, anh chị em ở TTĐDTSSS cùng hứa với nhau quyết tâm bám đất, gây dựng những phòng ốc ban đầu để đón cán bộ ngành thủy sản đến nghỉ dưỡng. Và họ nuôi hy vọng, chờ đợi.

Đầu năm 2002, nhờ vận dụng cơ chế quản lý mới, lại được Công đoàn Thủy sản Việt Nam cấp thêm kinh phí làm mới hệ thống điện, nước, sáu cán bộ của Trung tâm bảo nhau cùng góp vốn 237 triệu đồng cải tạo, nâng cấp, biến nhà kho lạnh cũ thành nhà ăn và hội trường, cải hoán hai dãy nhà cũ thành 21 phòng nghỉ khép kín, trong đó có 5 phòng máy lạnh để phục vụ khách.

Hè 2002, những đoàn khách là cán bộ công nhân viên đầu tiên của ngành thủy sản đã đến với Trung tâm điều dưỡng: Văn phòng Bộ Thủy sản, Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Đảng kiểm Thủy sản.... Phòng ốc tuy chưa khang trang hiện đại, nhưng thoáng mát, sạch sẽ. Tinh thần phục vụ tận tụy. Giá cả phải chăng. Đặc biệt khâu phục vụ ăn vừa rẻ vừa ngon. Khách khen: "Tưởng các cô chỉ biết chế biến hàng thủy sản, nào ngờ nấu ăn ngon và khéo hơn cả người làm du lịch chuyên nghiệp".

Mùa biển 2002 khởi đầu thắng lợi. Doanh thu đã đảm bảo bù đắp chi phí, nộp hơn 40 triệu tiền khấu hao tài sản và có hơn chục triệu tiền lãi. Lương bình quân ba tháng hè của 6 anh chị em được hơn một triệu đồng/người.

Khi hỏi về hướng phát triển của Trung tâm, giám đốc Nguyễn Thị Thoa thoáng lo âu:

- Tỉnh Thanh Hóa đang có chủ trương thu hồi đất của các đơn vị không có qui hoạch xây dựng. Sầm Sơn sẽ là một trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng hiện đại. Vì thế tất cả các nhà nghỉ, khách sạn phải có đồ án thiết kế, phải được xây dựng từ ba tầng trở lên. Ngay bây giờ anh thử đi khắp thị xã Sầm Sơn xem có khu nghỉ dưỡng nào sơ sài như ở đây không? Chúng em lo không giữ nổi đất cho ngành....

Tôi đem nỗi băn khoăn này trao đổi với anh Nguyễn Mạnh Hiên, Phó Chủ tịch CĐ Thủy sản Việt Nam, người được phân công phụ trách khu điều dưỡng Sầm Sơn. Anh Hiên cho tôi xem bản dự án qui hoạch Trung tâm theo mô hình nghỉ dưỡng - chữa bệnh - du lịch khá hiện đại và nói:

- Trước đây ngành thủy sản đã có một khu điều dưỡng ở Đồ Sơn. Từ khi chuyển

nhượng địa điểm về Sầm Sơn, Bộ và Công đoàn Thủy sản Việt Nam cũng đã nghĩ đến việc phải xây dựng Trung tâm điều dưỡng này thành một khu nghỉ dưỡng hiện đại. Qui hoạch này do Công ty Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Bộ Thủy sản thiết kế và đã được Ban Chấp hành Công đoàn Thủy sản Việt Nam trình Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Thủy sản. Vấn đề là nguồn tài chính ở đâu? Phương thức góp vốn và xây dựng như thế nào? Làm sao có được 10 tỉ đồng để xây một khu điều dưỡng hiện đại cho những người lao động nghề cá?

Tôi ngồi lặng trước những câu hỏi. Đầu phải chuyển đơn giản. "Vấn đề đầu tiên" mà... Ngành mình đi quá muộn. Các ngành khác họ đã giải quyết việc nghỉ điều dưỡng từ lâu rồi. Hết cơ chế xin - cho rồi. Giờ làm sao đây?

Nhưng... chả lẽ lại nộp trả đất cho Thanh Hóa... để họ phân cho cơ quan khác làm nhà nghỉ? Chả lẽ hàng triệu lao động nghề cá chỉ có quyền lênh đênh trên biển, đối diện với sóng gió, bão tố và ... thậm chí cả hiểm nguy rình rập, mà không có quyền được nghỉ dưỡng một ngày trên bờ biển?

Nhất định phải có một cách nào chứ! Đề nghị với Chính phủ xin thành lập một doanh nghiệp công ích điều dưỡng và chữa bệnh cho người lao động nghề cá chẳng hạn. Vận động các Tổng công ty, các Sở, các đơn vị trong ngành liên doanh góp vốn chẳng hạn. Hay thành lập một Công ty cổ phần.... Nhất định phải có một cách nào đó để ngành thủy sản ta xây dựng 3.800 mét vuông đất trên bãi biển Sầm Sơn kia một Thủy Đình, hay một Thủy Lâu, một Thủy Tạ để hàng tháng chúng ta đón những người đi biển trở về, đón những chị em nuôi trồng thủy sản trên núi, những chị em hàng ngày giam chân trong những xưởng chế biến tôm cá lạnh buốt và bọt bần bàn tay.... Họ sẽ đến ngôi Thủy Lâu, Thủy Đình trên bãi biển Sầm Sơn để nghỉ dưỡng và có thời gian suy ngẫm về biển, về nghề cá đầy sóng gió mặn mòi, về những ngày đầu thiên niên kỉ 21 giữa lúc EU soi từng phần tử miligam chất kháng sinh trong hàng chế biến thủy sản, còn Hoa Kỳ thì đưa con cá basa, cá tra của chúng ta ra tòa. Vậy mà hàng triệu lao động nghề cá nước ta vẫn kiên cường dũng cảm, lao động hết mình để cống hiến cho Tổ quốc 2 tỷ USD xuất khẩu thủy sản, xứng đáng đứng ở mũi nhọn của công cuộc đổi mới■



ĐỀ CƯƠNG CÁ CÀ NÁ - NINH THUẬN thực sự phát huy hiệu quả?

◆ HỒNG TRANG

Cảng cá Cà Ná (xã Phước Diêm - Ninh Phước - Ninh Thuận) cách quốc lộ 1A khoảng 500m về hướng đông, với diện tích vùng đậu tàu hơn 5ha và chiều dài bến cập tàu hơn 250m, diện tích mặt bằng cảng rộng lớn, hệ thống đường giao thông nội cảng rất tiện lợi... là một trong những cảng cá thuận lợi nhất của tỉnh.

Công trình được đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu neo đậu và buôn bán sản phẩm của tàu thuyền địa phương, đồng thời tạo điều kiện cho tàu thuyền các địa phương khác như Khánh Hòa, Bình Định, Bình Thuận, Phú Yên, Quảng Ngãi... đang hoạt động trên

ngư trường này (Ninh Thuận - Bình Thuận) vào neo đậu khi xảy ra bão lũ và buôn bán sản phẩm được thuận lợi.

Ngay từ khi cảng bắt đầu hoạt động vào ngày 1/1/2002 đã có khá nhiều tàu thuyền các địa phương khác đến cập cảng và buôn bán sản phẩm do cảng cá Cà Ná rất gần ngư trường khai thác.

Tuy nhiên từ ngày vào hoạt động đến nay, cảng luôn nảy sinh nhiều vấn đề cần phải giải quyết như nạn trộm cắp, gây gỗ đánh nhau trong khu vực cảng.... Hơn nữa, trên tuyến luồng chạy tàu vào cảng có rất nhiều tàu thuyền địa phương neo đậu, gây cản trở khó khăn cho các tàu thuyền

khác khi ra vào cảng. Đôi khi xảy ra trường hợp tàu thuyền các địa phương khi ra vào cảng va phải tàu thuyền neo đậu hai bên tuyến luồng, gây nhiều lo lắng cho thuyền trưởng khi cập cảng này.

Thiết nghĩ, Ban quản lý khai thác các công trình thủy sản, Ban quản lý cảng cá Cà Ná cần có những giải pháp thiết thực như thường xuyên kiểm tra, kiểm soát trong khu vực cảng, tham gia giải phóng luồng lạch... để tạo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền các địa phương khác khi cập cảng, đảm bảo an ninh trật tự. Có như vậy mới thúc đẩy nền kinh tế địa phương phát triển mạnh■

Phản ứng của người dân Tây Ban Nha

TRƯỚC CHỦ TRƯỞNG

GIẢM ĐỘI TÀU ĐÁNH CÁ CỦA EU

Đội tàu đánh cá của EU có 100.000 chiếc, hằng năm đánh bắt gần 8 triệu tấn, doanh thu khoảng 9 tỷ euro. Hằng năm Ủy ban EU phải trợ cấp 1,1 tỷ euro, tính ra mỗi tàu nhận được 14.000 euro/năm. Từ năm 1990 đến năm 1998 đã có 66.000 ngư dân phải bỏ nghề trong tổng số 250.000 ngư dân (tính chung có đến nửa triệu người làm việc có liên quan đến đánh bắt và chế biến cá). Đội tàu đánh cá luôn trong tình trạng cũ nát, chỉ có khoảng 16% tàu thuyền đánh cá có tuổi dưới 10 năm. Trong tổng sản lượng đánh bắt năm 1998, Tây Ban Nha được coi là cường quốc đánh cá của EU, chiếm tỉ lệ gần 28%, tiếp đến Italia và Anh 12%, Pháp 11%, Hà Lan 8%, Bồ Đào Nha 7%, Hy Lạp 6%, Đan Mạch 5%, Đức 4%, Aixolen 3%, Thụy Điển 3%, Phần Lan và Bỉ 1%.

Giữa tháng 3 năm 2002, Ủy ban châu Âu đã đưa ra đề nghị giảm 40-50% đội tàu đánh cá của EU vì lí do khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản. Các nghiên cứu khoa học của EU cho rằng nếu không ngăn chặn tình trạng đánh bắt quá mức thì trong 5 năm tới, nguồn lợi thủy sản sẽ giảm xuống con số không và những vùng nước gần bờ biển của EU cũng sẽ không còn khu hệ thủy sinh.... Ở Canada, nơi đã xảy ra tình trạng đánh bắt thủy sản quá mức trong gần 20 năm, mặc dù sau đó đã cấm đánh bắt và áp dụng nhiều biện pháp khoa học để khôi phục

nguồn lợi những đến nay cá còn rất hiếm. Ủy viên Ủy ban châu Âu phụ trách về đánh cá, ông Franz Fischler, mong muốn lập ra lực lượng "eurocorps" để kiểm soát hạn ngạch đánh bắt và thống nhất các biện pháp trừng phạt trong trường hợp xảy ra đánh bắt bất hợp pháp và việc kiểm soát khác nhau giữa các nước. Đồng thời, EU cũng không tiếc tiền hỗ trợ tài chính cho ngư dân chuyển nghề.

Những tháng gần đây ở cấp chính phủ, nhìn chung chưa có phản ứng gì về chủ trương này của EU. Tuy nhiên các nước như Pháp, Tây Ban Nha, Italia, Bồ Đào Nha, Aixolen và Hy Lạp là những nước thuộc về nhóm được gọi là "những người bạn đánh cá" có những lợi ích và mối quan tâm giống nhau: hạn chế đến mức thấp nhất tác động xấu về mặt xã hội của việc giảm đội tàu đánh cá do Ủy ban châu Âu đưa ra. Khác với các nước này, những nước Bắc Âu, do quyền lợi kinh tế thúc đẩy và cũng do công luận trong nước, đã lên tiếng đòi phải bảo vệ tối đa nguồn lợi thủy sản. Trên thực tế các nước Bắc Âu nằm trong EU không muốn Ủy ban châu Âu tiếp tục trợ cấp cho khu vực đánh cá trên một tỷ euro mỗi năm, trong khi doanh thu chỉ đạt dưới 9 tỷ euro và cho rằng làm như vậy là quá tốn kém đối với một loại hoạt động ảnh hưởng nặng nề đến môi trường. Những nước này được sự tiếp sức và hỗ trợ của một chiến dịch rất tích cực của các tổ chức môi trường như

WWF đã công bố một công trình nghiên cứu cho thấy ở Italia – nước được EU hỗ trợ nhiều nhất - đã dùng 1/3 số trợ cấp để hiện đại hóa tàu thuyền nhằm đánh bắt cá nhiều hơn. Một phần những trợ cấp của EU để mua quyền đánh bắt cá ở châu Phi. Nhưng cũng ngay tại châu Âu, những người Hà Lan và Tây Ban Nha mua tàu bè của những nước khác để tăng hạn ngạch cho mình.

Những ngư dân Tây Ban Nha ở dọc bờ biển Galice và Vigo và những vùng lân cận phản ứng quyết liệt nhất trước chủ trương của Ủy ban châu Âu. Ngư dân vùng Vigo cho rằng những dự án mà Ủy ban châu Âu tìm cách đưa ra để 15 nước EU thông qua là không thể chấp nhận được. Năm 1986, Tây Ban Nha đã phải chấp nhận giảm 40% đội tàu đánh cá để được gia nhập EU - một mức giảm khiến ngư dân vùng Galice phải chịu đựng nặng nề nhất. Vùng này cũng là nạn nhân chính của việc đặt ra hạn ngạch đánh bắt mà mỗi năm lại bị xem xét giảm bớt để làm hài lòng những ngư dân các nước thành viên và để bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Cách đây mấy tháng, sau khi không sửa đổi một hiệp định giữa Maroc và EU, đã có 2.500 ngư dân phải treo lưới vĩnh viễn, trong đó có nhiều người ở vùng Vigo....

Vì thế, tại Vigo cũng như ở Galice, người ta đang chuẩn bị cho một cuộc chiến thật sự. Những chủ tàu, thợ thủ công và đại diện công đoàn của những người làm công ăn lương trong ngành đánh cá cho rằng trong sáu tháng tới, chỉ riêng ở cảng cá Vigo, số tàu sẽ giảm đi một nửa, 6.000 ngư dân mất việc làm và như vậy sẽ

tác động về xã hội như thế nào, trong khi cứ một người đi biển thì trên đất liền có 5 người làm việc trong các nhà máy đóng cá hộp, các xưởng đóng và sửa chữa tàu.... Những người Tây Ban Nha lại là những người ăn cá nhiều nhất (30kg/người, so với mức trung bình 15 kg/người/năm ở EU). Người ta không thể thay đổi thói quen để ăn ít cá hơn. Tây Ban Nha đã là một nước nhập khẩu ròng cá, sẽ phải tăng mua cá và các nước khác sẽ phải khai thác quá mức ở đáy biển.

Ngư dân ở Tây Ban Nha đều đồng ý là phải chú ý đến việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản và phải thay đổi qui mô của đội tàu đánh cá, nhưng không phải tỉ lệ mà EU đã đưa ra. Họ cho rằng, trước hết phải nhìn vào những tổn hại do chính sách của EU gây ra. Ví dụ hiện nay có tình hình vừa phải trợ cấp cho phá hủy những tàu đánh cá lại vừa hỗ trợ để đóng những tàu lưới quét mới. Ủy ban châu Âu vừa chi 650 triệu euro để phá bỏ các tàu từ năm 2000 đến năm 2006, trong khi đó lại cung cấp 890 triệu euro để đóng những tàu đánh cá mới.

Trên thực tế, Tây Ban Nha đang sử dụng mọi phương tiện để chống lại dự án của Ủy ban châu Âu với mục đích tránh lặp lại những gì đã xảy ra trong năm 1986 buộc họ phải xóa bỏ gần một nửa đội tàu đánh cá khiến cho vùng Vigo phải trả giá quá đắt về mặt xã hội: gần một nửa số người làm nghề đánh cá hồi đó đã phải mất việc làm■

TRƯƠNG MINH QUỐC lược dịch
Theo "Le Point" 24/5/2002

HỘI THẢO "PHÁT TRIỂN QUẢN LÝ NGHỀ CÁ VIỆT NAM VÀ GIỚI THIỆU DỰ ÁN LUẬT THỦY SẢN"

Đã được tổ chức tại Hà Nội từ 24 - 26/9/2002 do Ban soạn thảo dự án Luật Thủy sản - Bộ Thủy sản chủ trì. Tới dự Hội thảo có đại diện Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc Hội, Bộ Tư pháp, các cơ quan Bộ Thủy sản, các Sở Thủy sản, Sở NN & PTNT, đại diện các tổ chức quốc tế: Cơ quan điều phối NaUy, Ban giám đốc nghề cá NaUy, đại diện FAO và các cơ quan thông tấn, báo chí

Để giúp cho việc hoàn thiện Luật Thủy sản sẽ được trình Quốc hội khóa tới đồng thời triển khai xây dựng các văn bản dưới luật khi Luật Thủy sản được ban hành, Hội thảo tập trung giới thiệu những thông tin, kinh nghiệm về nuôi thủy sản; về quản lý ven biển, giao đất ven biển, giao đất và mặt nước biển của NaUy; về ngư trường, vùng đánh cá; về quản lý tàu cá hoạt động tại vùng nước

quốc tế hoặc vùng nước thuộc quyền tài phán của các quốc gia; về thủy sản Nhật Bản trong thời gian gần đây....

Tại hội thảo, các chuyên gia NaUy, chuyên gia tổ chức FAO... đã có những trao đổi thông tin bổ ích, gợi mở nhiều vấn đề thiết thực trong quá trình hoàn thiện Dự án Luật Thủy sản sắp tới■

M.T

Một vài vấn đề về kỹ thuật nuôi CÁ CHIM TRẮNG THƯƠNG PHẨM

◆ **KS. NGUYỄN NGỌC ĐẠT**

Trung tâm KHKT & SX giống Thủy sản Quảng Ninh

Cá chim trắng nước ngọt (*Colossoma brachypomum*) là loài cá nhiệt đới, có nguồn gốc từ Nam Mỹ. Năm 2001, thông qua triển khai dự án "Nhập công nghệ sản xuất giống cá chim trắng tại Quảng Ninh", Trung tâm KHKT và SX giống thủy sản Quảng Ninh đã tiến hành cho sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm loài cá này. Năm 2002, qua nuôi thương phẩm cá chim trắng, chúng tôi đã đúc kết được một số kinh nghiệm sau:

1/ Chuẩn bị ao nuôi

Ao có diện tích 1.000 – 2.000m², độ sâu mực nước từ 1,2 – 1,5m, độ dày chất đáy phù hợp từ 15 – 20cm.

Các tiêu chuẩn khác: ao nuôi có hệ thống cấp thoát nước chủ động, nguồn nước tốt, mặt thoáng rộng....

2/ Cải tạo ao

Làm cạn nước, gia cố lại bờ ao, lấp các hang hốc và điều chỉnh độ bùn.

Phơi đáy: đáy ao được phơi rạn chân chim, với các ao không phơi đáy thì khi bón vôi nên bừa qua.

Bón vôi: rải đều lượng vôi từ 10 – 20kg/100m² dưới đáy ao, lưu ý chỗ bùn dày, hang hốc có thể rắc thêm vôi.

Bón phân gây màu: Sau khi rải vôi từ 3-7 ngày tiến hành bón phân; phân chuồng 30-50kg/100m²; lá dầm (lá lạc, lá đậu tương, điển thanh): 30 – 50kg/100m².

Cấp nước vào ao: Nước cấp phải qua lưới lọc, lần 1 từ 30 – 50cm, ngâm 5-7 ngày cấp tiếp đợt 2 cho tới 1,2 – 1,5m. Với ao khó lên màu nước hoặc không có lá dầm, có thể sử dụng thêm phân vô cơ (tỉ lệ đạm/lân: 2/1) với lượng 2-4 kg/1.000m², hòa loãng tạt đều trên mặt ao.

Đợi đến khi nước có màu xanh lá chuối sẽ tiến hành thả giống.

3/ Thả cá giống

Thời vụ thả: thả giống vào vụ xuân (tháng 2-3) và vụ thu (tháng 6-8), nên tính toán thời gian thả để có thể thu hoạch trước vụ đông.

Kích cỡ: giống thả đảm bảo 4-6cm, khỏe mạnh, cân đối, đồng đều, mình cá trắng ánh bạc.

Vận chuyển giống: mặc dù cá chim trắng rất khỏe, tuy nhiên vận chuyển đường dài quá 6 giờ nên thay nước và bơm oxy để đảm bảo chất lượng cá giống.

Mật độ thả: từ 2 - 4 con/m², có thể ghép với các đối tượng khác như mè trắng, trôi, chép để tận dụng thức ăn dư thừa và làm sạch nước.

4/ Thức ăn và cách cho ăn

Cá chim trắng phạm ăn và ăn tạp, hỗn hợp thức ăn gồm bột cá + đậu tương: 30%, cám gạo + bột gạo: 70%, rau xanh (rau muống, khoai lang, rau bắp, bèo...) thái nhỏ thả nổi trên mặt ao, ngoài ra có thể tận dụng phế phẩm nông nghiệp, lò mổ cũng rất tốt.

Cho ăn: cá chim trắng ăn chìm, thời gian 1-2 tháng đầu sau khi thả giống cho ăn 2 lần/ngày, với lượng bằng 5-7% trọng lượng cá, sử dụng 4-5 sàng cho ăn, có kích cỡ 4-6m² đặt cách đáy 30-40cm để tránh lãng phí thức ăn.

Các tháng còn lại chọn những chỗ đáy sạch làm vùng cho ăn, lượng thức ăn duy trì 4-3-2% trọng lượng cá cho đến khi thu hoạch.

5/ Chăm sóc, quản lý

Thường xuyên theo dõi kiểm tra ao, duy trì mức nước và chất lượng nước. Cá chim trắng rất ít nổi đầu, khi cá nổi đầu chứng tỏ chất lượng nước ao nuôi xuống cấp, cần thay nước mới với lượng bằng 1/3 lượng nước ao. 15 ngày thay nước 1 lần.

Duy trì độ béo của nước ao : lá dầm 10-20kg/100m² + phân chuồng 10-20kg/100m², 15 ngày bón 1 lần.

Vào mùa lũ cá kéo đàn theo nước tràn đi rất nhanh, cần có phương án chống lũ từ ngay đầu mùa.

6/ Phòng trị bệnh

Qua nuôi cá chim trắng ở Quảng Ninh

chưa thấy biểu hiện cá mắc bệnh do quản lý nước tốt và 12 – 15 ngày tạt 2-4kg nước vôi hòa loãng trên mặt ao để phòng bệnh rất hiệu quả.

7/ Thu hoạch

Cá chim trắng phát triển khá đồng đều về kích cỡ. Thu hoạch cá bằng lưới kéo ngay mẻ đầu có thể thu được 90% sản lượng cá trong ao■

Tin Khuyến ngư

KHẢO SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PTNTTS VÀ CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO TỪ THANH HÓA ĐẾN ĐÀ NẴNG

Từ 14/9 đến 20/9/2002, Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình PTNTTS đã tổ chức đoàn công tác khảo sát tình hình thực hiện Chương trình và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo từ Thanh Hóa đến Đà Nẵng. Tham gia đoàn công tác có đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ Kế hoạch-Đầu tư, Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, Viện Kinh tế Qui hoạch Thủy sản, Vụ Nghề cá - Bộ Thủy sản.

Tại các tỉnh đoàn đã nắm lại tình hình nuôi trồng thủy sản và thực hiện một số dự án đầu tư thuộc Chương trình. Khảo sát hiện trường, ghi lại một số hình ảnh hoạt động của các mô hình, dự án. Đặc biệt đoàn đã cùng các địa phương xác định kế hoạch triển khai Chương trình năm 2003; Xây dựng tiêu chí các xã nghèo bãi ngang, ven biển và hải đảo; Lập danh mục các xã đủ điều kiện trong tiêu chí và khảo sát một số xã nghèo đặc biệt khó khăn, xác định rõ công trình cần đầu tư cụ thể cho các xã dự kiến đề nghị Thủ tướng Chính phủ đưa vào đầu tư theo cơ chế của Chương trình 135 từ năm kế hoạch 2003.

KÝ CAM KẾT THỰC HIỆN NUÔI VÀ TIÊU THỤ CÁ RÔ PHI

Tại Hội nghị bàn biện pháp phát triển sản xuất cá rô phi xuất khẩu các tỉnh phía bắc tổ chức ngày 12/9/2002 tại Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I, ủy viên Ban Thường vụ Hội Nghề cá Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Khuyến ngư T.Ư Trần Văn Quỳnh và Phó chủ tịch Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, giám đốc Công ty XKTS II Quảng Ninh Ngô Duy Thực đã ký Biên bản cam kết thực hiện nuôi và tiêu thụ cá rô phi đơn tính xuất khẩu khu vực phía bắc. Theo đó, Hội Nghề cá Việt Nam, Hội Nghề cá các tỉnh phía bắc phối hợp với các Sở Thủy sản, Sở NN&PTNT, Trung tâm Khuyến ngư, Khuyến nông, Chi cục BVNLTS các tỉnh, viện, trường tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn kỹ thuật cho người nuôi cá đảm bảo

chất lượng xuất khẩu, cỡ 500g trở lên và có sản lượng cá thương phẩm 50 tấn trở lên ở mỗi vùng nuôi, quản lý chặt chẽ con giống, kỹ thuật nuôi và môi trường nuôi.

Công ty XKTS II Quảng Ninh sẽ trực tiếp ký hợp đồng tiêu thụ cá với các cơ sở nuôi, trước mắt trong 2 năm 2002 -2003, tổ chức tốt việc thu mua đảm bảo số lượng, giá cả, thanh toán thuận lợi để người nuôi yên tâm sản xuất có hiệu quả.

NHẬP GIỐNG CÁ RÔ PHI SIÊU ĐỤC

Từ đầu năm đến nay, Trung tâm Khuyến ngư T.Ư đã phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức nhập 22 vạn giống cá rô phi siêu đục cỡ 0,8 – 1cm từ Đài Loan và Trung Quốc về cung cấp cho các mô hình khuyến ngư và nuôi cá rô phi thương phẩm tại các địa phương. Trung tâm cũng phối hợp với Trung tâm Khuyến ngư, Khuyến nông các tỉnh xây dựng 9 điểm nuôi cá rô phi siêu đục trong ao với tổng diện tích 7,5ha và 1 điểm nuôi trong lồng ở hồ Thác Bà với thể tích 100m³. Dự kiến sản lượng các mô hình khuyến ngư nuôi cá rô phi năm nay đạt 80 tấn.

Lượng cá giống rô phi siêu đục nhập vào nước ta năm nay ước khoảng 2 triệu con, thông qua nhiều con đường khác nhau. Riêng Hà Nội đã nhập khoảng 1 triệu con.

TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN

Tỉnh Vĩnh Phúc đã phê duyệt nhiều dự án trong lĩnh vực thủy sản và đang triển khai mạnh các bước chuẩn bị đầu tư cho các dự án :

- Xây dựng Trung tâm giống thủy sản cấp với tổng kinh phí 5,8 tỉ đồng, hằng năm sản xuất 120-150 triệu cá bột, 18 triệu cá hương, 1 triệu cá giống và khoảng 5 tấn cá bố mẹ các loại.

- Đầu tư thiết bị gia nhiệt để mở sớm thời vụ sản xuất một số giống thủy sản, với kinh phí 1,4 tỷ đồng.

Trong năm nay, tỉnh đã có 6 dự án chăn nuôi - thú y được duyệt với tổng kinh phí 120,5 tỷ đồng■

ĐIỂM SÁNG

công đoàn cơ sở ngoài quốc doanh

NGÀNH THỦY SẢN

◆ NGUYỄN THI KIM NGÀ

Chủ tịch CĐ Công ty CP Đồ hộp Hạ Long

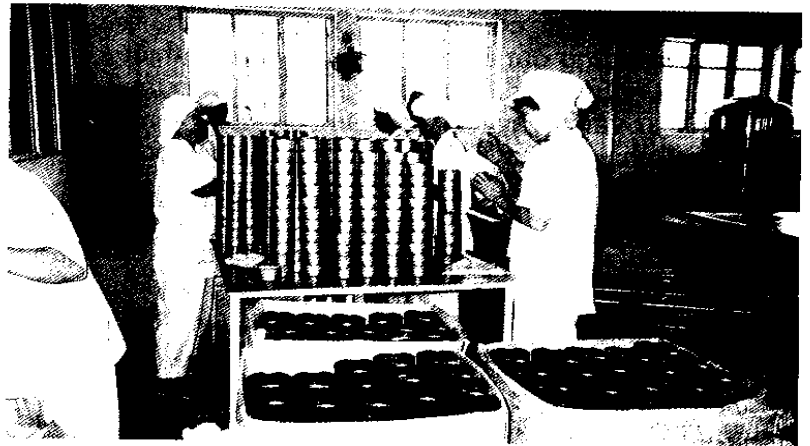
Ngày 20/10/1957, Nhà máy Cá hộp Hạ Long được thành lập với sự giúp đỡ của Liên Xô. Cùng với sự ra đời của nhà máy, Công đoàn Nhà máy Cá hộp Hạ Long cũng được thành lập.

Trong suốt thời kì chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Công đoàn đã tham gia, phát động nhiều phong trào thi đua yêu nước trong công nhân lao động. Tập thể cán bộ công nhân nhà máy đã kiên trì bám biển, bám nhà máy vừa sản xuất vừa chiến đấu tất cả vì miền Nam thân yêu.

Tháng 9/1994 Nhà máy Cá hộp Hạ Long tách khỏi Xí nghiệp Liên hợp Thủy sản Hạ Long với tên gọi là Công ty Đồ hộp Hạ Long. Tổ chức công đoàn mang tên Công đoàn Công ty Đồ hộp Hạ Long chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Công đoàn Thủy sản Việt Nam.

Để phù hợp với sự phát triển của đất nước và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Công ty Đồ hộp Hạ Long là một trong những công ty đầu tiên của Bộ Thủy sản chuyển đổi cơ chế quản lí - cổ phần hóa doanh nghiệp. Ngày 1/4/1999, Công ty Đồ hộp Hạ Long chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long.

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh có bề dày trên 45 năm về nghề chế biến thực phẩm thủy sản, thịt gia cầm, gia súc, rau quả đóng hộp, các loại thủy sản đông lạnh, giò chả, agar-agar, viên nang dầu gan cá..., công ty luôn thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo sản phẩm xuất xưởng luôn đạt chất lượng cao phục vụ nhu cầu



Một góc phân xưởng đóng hộp của Công ty

ẢNH: DẠ VŨ

tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Nhờ vậy sau khi cổ phần hóa, sản xuất của công ty luôn được giữ vững và phát triển, thu nhập, đời sống của người lao động được nâng cao, các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đầy đủ.

Hiện nay công ty có hơn 1.000 cán bộ công nhân viên chức, lao động. Công đoàn có 980 đoàn viên, 20 công đoàn bộ phận, 96 tổ công đoàn, 65 cán bộ từ ủy viên ban chấp hành công đoàn bộ phận trở lên.

Hằng năm, Công đoàn phối hợp với chính quyền mở các lớp học giáo dục chính trị cơ bản trong công nhân viên chức và lao động; Mở các lớp tìm hiểu về Đảng, truyền thống của giai cấp công nhân, giới thiệu được nhiều đoàn viên ưu tú cho Đảng bồi dưỡng, xét kết nạp; Thường xuyên giáo dục truyền thống vẻ vang của công ty cho các

thế hệ lao động trẻ học tập.

Công đoàn phối hợp với Ban Giám đốc công ty duy trì các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, tổ chức các cuộc thi thợ giỏi thường xuyên hằng năm. Thông qua các lớp, các kỳ thi tay nghề tạo điều kiện cho CNVC vươn lên. Kết quả trong 10 năm qua đã tổ chức được 5 hội thi thợ giỏi ở nhiều xưởng, ngành cho nhiều loại sản phẩm với hơn 600 lượt người tham gia đạt được nhiều giải thưởng khác nhau. Hằng năm công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức học nâng bậc thợ, có chế độ khuyến khích CBCNV theo học các lớp chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao trình độ. Đến nay phần lớn số công nhân đều được đào tạo qua trường lớp. Số CBCNV theo học các lớp đại học ngày càng tăng (trong 10 năm qua có 50 người tốt nghiệp đại học).

Là công ty chuyên sản xuất thực phẩm nên bao giờ cũng đặt ra các yêu cầu cao về thiết bị và công nghệ. Các hội đồng kinh tế - kỹ thuật, hội đồng tư vấn ngay từ đầu năm đã được giao nhiệm vụ phải xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, giao cụ thể cho các bộ phận và người chịu trách nhiệm chính. Cuối năm các hội đồng họp xem xét, đánh giá hiệu quả, khen thưởng. Kết quả trong 10 năm qua đã có 100 sáng kiến làm lợi cho công ty hàng tỷ đồng, điển hình là các cá nhân như các đồng chí : Lê Đình Liêm, Phạm Văn Dân, Nguyễn Minh Thu....

Phong trào thể thao văn nghệ luôn là thế mạnh của công ty, anh chị em trong đội văn nghệ từ các xưởng, ngành, đội, phòng, ban đều nhiệt tình tham gia để lại những ấn tượng tốt trong các giải thi đấu (bóng chuyền, bóng đá, cầu lông), trong các buổi hội diễn tại công ty và thành phố, Bộ Thủy sản. Công đoàn công ty là hạt nhân của cụm văn hóa Sông Cấm, tham gia chương trình tiếng hát công nhân ngành thủy sản Việt Nam trên sóng Đài Truyền hình Việt Nam năm 2000. Để động viên kịp thời CBCNV và đoàn viên công đoàn có thành tích xuất sắc trong sản xuất và trong hoạt động phong trào, Công đoàn trong 10 năm qua đã trích hàng trăm triệu đồng để tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ mát... tạo không khí phấn khởi thi đua lao động sản xuất.

Là một đơn vị đông nữ, công tác kế hoạch hóa gia đình được Công đoàn đặc biệt quan tâm. Năm năm liền Công đoàn công ty nhận cờ, bằng khen của cấp trên về công tác dân số kế hoạch hóa gia đình.

Với những đóng góp hiệu quả của đội ngũ CBCNV, từ ngày công ty cổ phần hóa, năng suất, hiệu quả ngày càng tăng. Doanh thu của công ty năm 2001 đạt 175 tỷ đồng (kế hoạch 96 tỷ), lợi nhuận 6 tỷ, thu nhập 900.000 đồng/người/tháng, người lao động có việc làm thường xuyên.

Trong phong trào thi đua phụ nữ 2 giỏi, tổng kết 5 năm qua (1995 - 2000) đã có 279 chị được khen cấp cơ sở, 55 chị được khen cấp ngành, 3 chị được Liên đoàn Lao động thành phố Hải Phòng khen, 3 chị được Tổng Liên đoàn Lao động khen và tập thể nữ CNVC công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "phụ nữ 2 giỏi" 5 năm qua. Trong 10 năm qua có nhiều gia đình được nhận bằng khen gia đình kiểu mẫu của thành phố và trung ương.

Công đoàn đã vận động công nhân quyên góp số tiền hơn 300 triệu đồng ủng hộ các quỹ nhân đạo. Tổng kết 5 năm hoạt động của Quỹ nhân đạo nghề cá, công ty đã được nhận bằng khen của Quỹ. Thông qua Hội chữ thập đỏ, Hội từ thiện, 10 năm qua công ty còn nhận trợ giúp các cháu nghi nhiễm chất độc da cam và người già không nơi nương tựa, ủng hộ các Quỹ "Ngày vì người nghèo", Quỹ "Đền ơn đáp nghĩa", Quỹ "Bảo trợ trẻ em Việt Nam", ủng hộ bộ đội Trường Sa.... Từ năm 1994 nhận phụng dưỡng 3 Bà mẹ Việt Nam anh hùng với số tiền 120.000 đồng/người /tháng. Các ngày lễ, tết... công đoàn đều tổ chức đến thăm và động viên các mẹ. Thực hiện kế hoạch của Công đoàn ngành thủy sản giao cho Công đoàn cùng công ty đã trích quỹ phúc lợi xây dựng 2 ngôi nhà tình nghĩa tại Sóc Trăng với số tiền 20 triệu đồng.

Trong 3 năm liền (1999-2001) Công đoàn công ty được nhận cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Công đoàn còn nhận được nhiều bằng khen của Công đoàn Thủy sản Việt Nam. Qua tổng kết 10 năm đổi mới, 5 năm liền sản phẩm của công ty được bình chọn là hàng Việt Nam có chất lượng cao, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" cho đồng chí Lê Đình Liêm-Bí thư Đảng ủy-Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty. Ngày 12/12/2001 Chủ tịch Nước đã ký Quyết định số 994/2001/QĐCTN tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng 3 cho Công ty cổ phần Địch Hạp Hạ Long■

24 NĂM PHẤN ĐÁU, TRƯỞNG THÀNH

◆ HUỲNH THI NGUYỆT

Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Thủy sản Việt Nam

Tổng công ty Thủy sản Việt Nam, tiền thân là Công ty XNK Thủy sản Việt Nam, được thành lập ngày 26/6/1978. Tổ chức công đoàn của công ty cũng ra đời từ thời điểm này. Từ 1978 đến 1992 tổ chức công đoàn của công ty trực thuộc Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1992, Công đoàn Thủy sản Việt Nam được thành lập, công đoàn Công ty XNK Thủy sản Việt Nam (2001 là Công đoàn Tổng công ty Thủy sản Việt Nam - Seaprodex) trực thuộc Công đoàn Thủy sản Việt Nam.

Suốt 24 năm (1978 – 2002) liên tục xây dựng và trưởng thành, sự lớn mạnh của Seaprodex hôm nay cũng chính là sự lớn mạnh của cả một đội ngũ hàng vạn cán bộ công nhân viên, những đoàn viên công đoàn – nguồn lực lao động và sáng tạo, tạo nên giá trị và vị thế của Seaprodex trên thương trường trong nước và thế giới.

Trước năm 1992, khi còn trực thuộc Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh, Công đoàn Seaprodex đã tạo nên những dấu ấn khó phai mờ trong phong trào công nhân lao động thành phố. Là một trong những đội quân tiên phong thực hiện cơ chế “tự cân đối, tự trang trải”, chưa đầy 10 năm (1981-1990) Công đoàn Seaprodex đã góp phần đưa giá trị kim ngạch của Seaprodex phát triển nhảy vọt: năm 1981 đạt 15,2 triệu USD, năm 1990 đạt 104,96 triệu USD.

Mười năm tiếp theo (1992-2002), sau khi đã hoàn thành vai trò

tạo dựng nền móng cho hoạt động xuất khẩu thủy sản, Seaprodex tiếp tục củng cố hoạt động SXKD, đa dạng hóa ngành nghề, đầu tư chiều sâu, thực hiện vai trò là đội quân chiến lược của ngành trong các hoạt động SXKD. Thời kì này cũng là giai đoạn Công đoàn Seaprodex trực thuộc Công đoàn Thủy sản Việt Nam. Đội ngũ cán bộ công nhân viên Tổng công ty có nhiều điều kiện hơn trong việc tham gia quản lí và làm chủ doanh nghiệp, thực thi những nhiệm vụ của ngành.

Nhiệm vụ hàng đầu – công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền pháp luật – cũng là nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động Công đoàn Tổng công ty. Cao trào của hoạt động tuyên truyền chính trị trong đội ngũ người lao động Tổng công ty là cuộc thi tìm hiểu về Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1999). Tiếp đến, năm



Một hội thi của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam

2000, Công đoàn Tổng công ty lại tổ chức Hội thi “Tìm hiểu đường lối đổi mới và thành tựu đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam” – một cuộc sinh hoạt chính trị lớn chào mừng Đại hội Đảng lần thứ IX, đại hội Đảng bộ Tổng công ty Thủy sản Việt Nam lần thứ VI.

Liên tục trong các năm, phong trào thi đua “lao động giỏi, quản lí giỏi” được Công đoàn Tổng công ty phát động. Kết quả là đội ngũ cán bộ công nhân ở các công ty thành viên đã làm chủ qui trình công nghệ tiên tiến, từng bước chuyển từ sản xuất mặt hàng nguyên liệu sang mặt hàng chế biến có giá trị gia tăng, tham gia vào thị trường xuất khẩu, nhiều sáng kiến cải tiến kĩ thuật đã được áp dụng có hiệu quả tại các đơn vị thành viên. Tại các hội chợ quốc tế, hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao, các đơn vị Seaprodex tham gia đều đạt huy chương vàng, giải thưởng cao. Điển hình là các đơn vị : Công ty Kỹ nghệ lạnh, Công ty XNK thủy đặc sản, Xí nghiệp Mặt hàng mới....

Năm 1995, Công đoàn Seaprodex đã chọn 16 công nhân ưu tú, 11 người được dự Hội nghị “Công nhân ưu tú cấp thành phố”. Năm 2000, Công đoàn Seaprodex là đơn vị tích cực tham gia Hội thi “Bàn tay vàng toàn ngành thủy sản” lần thứ nhất tại Cần Thơ do Công đoàn Thủy sản Việt Nam tổ chức. Kết quả toàn đội đạt 2 giải nhất cá nhân và đồng đội.

Đồng hành với nhiệm vụ xây dựng và phát triển cơ sở vật chất, kĩ thuật phục vụ sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp, chính quyền và công đoàn các cấp của Seaprodex luôn luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Các chế độ cho người lao động như khám sức khỏe định kì miễn phí, hỗ trợ kinh phí chữa bệnh, tham quan, nghỉ mát... được duy trì và tổ chức ngày một tốt hơn. Thu nhập bình quân của người lao động tăng 15-20%/năm. Nhiều công trình phúc lợi được xây dựng và phục vụ tốt cho người lao động như: bếp ăn, nhà tập thể....

Bên cạnh đó, phong trào văn hóa – văn nghệ – thể dục thể thao luôn là hoạt động sôi nổi và thường xuyên ở các công ty thành viên của Seaprodex. Năm 1995 kỷ niệm 20 năm thống nhất đất nước, Công đoàn Seaprodex được Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh tặng Cờ đơn vị có phong trào văn nghệ xuất sắc, được đại diện tham gia Hội diễn văn

nghệ toàn quốc khu vực phía nam, đạt 5 huy chương vàng, 1 huy chương bạc cho 6 tiết mục tham gia và giải A cho toàn bộ chương trình. Năm 1998 Công đoàn Seaprodex được Công đoàn Thủy sản Việt Nam cử tham gia cuộc thi “Giờ thứ 9” do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức. Đặc biệt, cuối năm 2001, lần đầu tiên Seaprodex tổ chức Hội diễn văn nghệ toàn Tổng công ty trên cả ba khu vực Bắc – Trung – Nam với chủ đề “Mừng Đảng – Mừng Xuân” với 12 đoàn, trên 100 diễn viên tham gia.

Là một đơn vị kinh tế đặc thù có từ 60% tới 80% là lao động nữ, công tác nữ công luôn được Tổng công ty và Công đoàn Tổng công ty quan tâm. Ngoài việc giám sát thực hiện các chế độ chính sách đối với lao động nữ, Công đoàn thường xuyên phát động phong trào “Phụ nữ hai giỏi” trong nữ CNVC-LĐ. Tổng kết phong trào “hai giỏi” 5 năm (1995 – 1999) toàn Tổng công ty đã có 1.462 chị đạt danh hiệu “Phụ nữ hai giỏi” cấp cơ sở, 430 chị đạt cấp tổng công ty, 45 chị giữ chức giám đốc, phó giám đốc, phân xưởng trưởng, 12 chị làm chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn.

Cùng với chính quyền, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn Seaprodex luôn coi công tác xã hội – từ thiện là trách nhiệm của mình. Nếu như thời kì từ 1978 – 1992 công đoàn đã vận động cán bộ công nhân viên xây dựng 28 căn nhà tình nghĩa, tặng 28 sổ tiết kiệm, nhận nuôi dưỡng 5 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng suốt đời, thì thời kì 1992-2002, hoạt động đền ơn đáp nghĩa của CBCNV càng đi vào chiều sâu, có tính thiết thực. Tính đến hết tháng 12/2001, Công đoàn Tổng công ty đã trao tặng 30 ngôi nhà tình nghĩa, nhận nuôi dưỡng suốt đời 27 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, đóng góp trên 300 triệu vào Quỹ nhân đạo nghề cá, hàng tỷ đồng ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt. Những thành tích trên đã được Mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ Chí Minh cấp bằng khen, được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen 5 năm (1996-2000).

24 năm, Công đoàn Công ty XNK Thủy sản Việt Nam hôm qua và Công đoàn Tổng công ty Thủy sản Việt Nam hôm nay đã và đang trưởng thành cùng với các đơn vị khác của Công đoàn Thủy sản Việt Nam, góp phần làm nên những thành tựu của ngành thủy sản hôm nay■

PHONG TRÀO THI ĐUA ở một đơn vị Anh hùng

◆ NGUYỄN VĂN LÂM

Công ty Thực phẩm xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng được thành lập và đi vào hoạt động sản xuất ngày 3/2/1996 trực thuộc Ban Tài chính Tỉnh ủy Sóc Trăng. Trải qua chặng đường 6 năm, công ty liên tục hoàn thành toàn diện, xuất sắc, vượt mức kế hoạch nhà nước giao năm sau cao hơn năm trước với tốc độ tăng trưởng cao bình quân 50%/năm, tốc độ tăng trưởng này chưa doanh nghiệp nào đạt được.

Với thành tích đặc biệt xuất sắc, Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý:

- 5 năm liên từ năm 1997 – 2001 Công ty được nhận Cờ thưởng thi đua của Chính phủ.
- Năm 1998 Công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì.
- Năm 2000 Công ty được Nhà nước tuyên dương đơn vị Anh hùng Lao động trong thời kì đổi mới 1986 – 2000.

Trải qua 6 năm xây dựng và trưởng thành, công ty đã tạo việc làm ổn định cho 130 lao động trong những ngày đầu đến nay đã lên đến 2.500 lao động, góp phần tạo thêm các nghề dịch vụ tại địa phương và thúc đẩy phong trào nuôi tôm phát triển, giúp nông, ngư dân có thêm việc làm, xóa được đói, giảm được nghèo, làm cho bộ mặt nông thôn miền biển có nhiều thay đổi. Công ty đã tổ chức được phong trào thi đua trong đội ngũ công nhân viên chức ngày càng đi vào nền nếp, có ý thức với công việc và đời sống không ngừng được cải thiện và nâng cao, đã tạo dựng được một thương hiệu có uy tín khá tốt ở thị trường nước ngoài, chủ yếu ở Nhật và Mỹ, góp phần tạo nên tiếng nói và sự đóng góp của thành phần kinh tế quốc doanh đối với xã hội. Đặc biệt, hoạt động công đoàn đã huy động CBCNV công ty đóng góp vào các chương trình, các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo... tổng số

tiền trên 1,5 tỷ đồng. Sáu năm, từ một xưởng chế biến ban đầu 8.500m² nay đã nâng lên 45.000m² với 5 xưởng chế biến, 1 nhà máy nước đá, 1 xưởng chế biến chitin và chuẩn bị hình thành xưởng chế biến số 6, đưa công suất nhà máy từ 10 tấn thành phẩm/ngày lên 40 tấn thành phẩm/ngày. Từ vốn Nhà nước giao ban đầu là 20 tỷ đồng nay công ty đã tích lũy bổ sung tăng lên gần 94 tỷ đồng.

Bước vào thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ công tác năm 2002, tình hình chung của ngành thủy sản gặp rất nhiều khó khăn, nhất là thị trường xuất khẩu vào EU và Mỹ, giá tôm nguyên liệu tăng.... Để có những giải pháp khắc phục khó khăn, công ty đã phát động một phong trào thi đua sôi nổi và rộng khắp trong toàn thể CBCNV, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ngay từ những ngày đầu, tháng đầu, quý đầu lập thành tích chào mừng bầu cử Quốc hội khóa XI, kỉ niệm 10 năm tái lập tỉnh và kỉ niệm các ngày lễ lớn. Với niềm tự hào là CBCNV của đơn vị Anh hùng Lao động trong thời kì đổi mới, mọi người đã phấn khởi lao động sản xuất và thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kĩ thuật. Công ty đã nghiên cứu tìm tòi và đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh đặc thù cho riêng mình, động viên nhau thi đua lao động sản xuất với lòng tự tin và quyết tâm cao. Thành công lớn nhất của công ty là việc nắm bắt thị trường có nhiều tiềm năng là Nhật, Mỹ và EU. Có được thị trường, việc xác định đúng thị hiếu của khách hàng để căn đối cơ cấu sản phẩm xuất khẩu cũng là giải pháp quan trọng tháo gỡ được khó khăn, tạo đà phát triển. Trong xuất khẩu từ trước đến nay, công ty luôn lấy sản phẩm tinh chế có giá trị gia tăng là thế mạnh, trong đó chú trọng chế biến xuất khẩu các loại sản phẩm chất lượng cao, đóng gói nhỏ cung cấp cho hệ thống



*Chế biến mực
khô xuất khẩu*

ẢNH : V.L

các siêu thị, nhà hàng ở các nước công nghiệp phát triển. Với thế mạnh xuất khẩu sản phẩm có giá trị gia tăng là chủ yếu, công ty đã có đủ sức cạnh tranh trên thương trường quốc tế. Những năm trước đây công ty đã khẳng định và có được thế và lực với khách hàng trên thế giới, những tháng đầu năm 2002 với sự năng động, sáng tạo công ty đã tìm được đầu ra cho sản phẩm của mình với hiệu quả kinh tế cao. Kết quả sản xuất kinh doanh 8 tháng đầu năm 2002 là rất khả quan : Đã chế biến 4.689 tấn tôm đông lạnh, xuất khẩu 4.619 tấn, đạt giá trị kim ngạch 52 triệu USD, bằng 69,3% kế hoạch năm, tăng 10% so cùng kì năm 2001. Lợi nhuận

đạt 6 tỷ đồng, tăng 3 lần so cùng kì năm 2001. Bảo đảm thu nhập bình quân cho mỗi cán bộ công nhân viên 1.500.000 đồng/tháng.

Với cách thức kinh doanh năng động, sáng tạo, đạt hiệu quả kinh tế cao trên cơ sở phong trào thi đua được phát động đúng lúc, có nội dung thiết thực, cụ thể, có chỉ tiêu phấn đấu rõ ràng, biết phát huy dân chủ, tinh thần tự lực, tự cường, 2.500 CBCNV Công ty Thực phẩm xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng đang lao động hết mình, xứng đáng với danh hiệu cao quý mà Nhà nước đã phong tặng : Đơn vị Anh hùng Lao động trong thời kì đổi mới■

HỘI NGHỊ "GẶP MẶT THANH NIÊN TIÊU BIỂU TOÀN QUỐC NGÀNH THỦY SẢN LẦN THỨ I"

Ngày 29/30/8/2002 Bộ Thủy sản đã phối hợp với T.Ư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị "Gặp mặt thanh niên tiêu biểu toàn quốc ngành thủy sản lần thứ I" tại thành phố Nha Trang. Tới dự hội nghị có các đồng chí lãnh đạo Bộ Thủy sản, Ban Bí thư T.Ư Đoàn, lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa, các cơ quan chức năng của Bộ Thủy sản và T.Ư Đoàn. Đặc biệt là 150 gương mặt thanh niên tiêu biểu về dự cuộc gặp mặt lần này là hình

ảnh sinh động đại diện cho hàng vạn thanh niên đang nỗ lực tham gia phát triển kinh tế thủy sản trong cả nước.

Với hai phong trào lớn "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước", những thanh niên tiêu biểu ngành thủy sản đã góp phần đưa hai phong trào lớn lên tầm cao mới, xứng đáng là tấm gương sáng để tuổi trẻ cả nước học tập và noi theo.

Tại hội nghị, đồng chí Tạ Quang Ngọc – ủy viên BCH

Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thủy sản phát biểu ý kiến, ghi nhận và biểu dương những thành tích mà tuổi trẻ đã đạt được ở các lĩnh vực : nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm và nghiên cứu khoa học, góp phần hoàn thành kế hoạch của ngành thủy sản trong những năm qua.

Kết thúc hội nghị là giao lưu văn nghệ giữa Bộ Thủy sản và Trung ương Đoàn, cùng địa phương Khánh Hòa■

TIN HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ

TẬP HUẤN – TUYÊN TRUYỀN VỀ CÁCH SỬ DỤNG THUỐC VÀ HÓA CHẤT TRONG NTTS

Ngày 16/9/2002 tại xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên, Quảng Ninh, Hợp phần Hỗ trợ NTTS biển và nước lợ (SUMA) phối hợp với Cục BVNLTTS tổ chức lớp tập huấn – tuyên truyền về cách sử dụng thuốc và hóa chất trong NTTS.

Tham gia lớp tập huấn này là những cán bộ ban quản lý dự án, cán bộ khuyến ngư tự nguyện, những nông dân nuôi tôm xã Hải Lạng. Nội dung buổi tập huấn nhằm tuyên truyền về các qui định sử dụng thuốc và hóa chất của Nhà nước, danh sách các loại thuốc cấm sử dụng; cách sử dụng an toàn, hiệu quả các hóa chất và kháng sinh thông thường.

Ngoài những lớp tập huấn về kĩ thuật NTTS dự án còn tuyên truyền cho người dân ở vùng dự án cách bảo vệ rừng ngập mặn... Hy vọng rằng sau lớp tập huấn này người dân trong các mô hình NTTS dựa vào cộng đồng ở tỉnh Quảng Ninh sẽ nắm vững thông tin và có thêm kiến thức về cách sử dụng thuốc, hóa chất trong NTTS một cách an toàn, hiệu quả, góp phần phát triển theo hướng bền vững.

HỘI THẢO PHƯƠNG PHÁP TẬP HUẤN-TRAO ĐỔI VỀ NTTS CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

Được tổ chức tại Cà Mau từ ngày 11 đến 15/9/2002, do chuyên gia phát triển cộng đồng Malaixia Bishan Singh làm giảng viên. Tham dự là những cán bộ khuyến ngư của Cà Mau có dự định sẽ tham gia mô hình thí điểm "lớp học nông dân tại hiện trường" do Dự án SUMA tài trợ.

Lớp học nông dân tại hiện trường là một mô hình : khuyến ngư mới đã được áp dụng thành công ở chương trình IPM trong nông nghiệp. Trong đó khuyến khích sự tham gia của người dân vào suốt quá trình sản xuất của một vụ nuôi, cán bộ khuyến ngư đóng vai trò là người hướng dẫn, điều hành các buổi họp nhóm, trao đổi kinh nghiệm trực tiếp tại hiện trường.

Mục đích của hội thảo lần này nhằm nâng cao hơn nữa kĩ năng cho cán bộ khuyến ngư về phương pháp tiếp cận có sự tham gia và kĩ năng tập huấn/trao đổi với người dân có hiệu quả. Dự kiến sẽ tổ chức hội thảo này ở các tỉnh Quảng Ninh, Nghệ An, Hà Tĩnh.

Một trong những kết quả mong đợi là phối hợp với Dự án SUFA để hoàn tất cuốn "Sổ tay hướng dẫn khuyến ngư viên" trong đó nhấn mạnh vai trò trách nhiệm của cán bộ khuyến ngư. Hy vọng sau những lần hội thảo này, ngành thủy sản ở địa phương sẽ khắc phục được hạn chế của phương pháp khuyến ngư truyền thống.

HỘI NGHỊ SƠ KẾT 3 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH SỐ 02/TLD- NN & PTNT

Ngày 12 và 13/9/2002 Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã tổ chức Hội nghị sơ kết 3 năm (1999-2001) thực hiện Nghị quyết liên tịch số 02/TLD- NN & PTNT của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thi đua liên kết phục vụ sự nghiệp CNH – HĐH nông nghiệp và phát triển nông thôn. CĐ Thủy sản Việt Nam là một trong 18 CĐ ngành Trung ương tích cực đóng góp trong việc xây dựng nền nông nghiệp bền vững, với 5 nội dung lớn : Vận động CNVC-LĐ trong ngành tham gia phong trào, thực hiện thắng lợi chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Có các biện pháp đẩy nhanh áp dụng khoa học công nghệ trực tiếp vào sản xuất nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sạch, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái; Giúp nông dân tìm thị trường, việc làm, thu nhập, cải thiện điều kiện lao động, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo; Xây dựng đội ngũ lao động nông nghiệp có văn hóa, có kĩ thuật nhằm nâng cao tri thức; Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó ưu tiên phát triển kinh tế miền núi, vùng sâu, vùng xa.

TẶNG QUÀ NHÂN DỊP TẾT TRUNG THU 2002

Nhân dịp Tết Trung thu 2002, Công đoàn Thủy sản Việt Nam và Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam gồm Phó chủ tịch CĐTSVN Nguyễn Mạnh Hiến, Phó giám đốc Quỹ BTTEVN Lê Thị Kim Đường cùng đại diện *Tạp chí Thủy sản*, Đài Truyền hình T.Ư, Ủy ban BVBMTĐ Hải Phòng đã thăm hỏi và trao 10 xuất quà cho các trẻ em bị ảnh hưởng chất độc da cam, con em công nhân thuộc Tổng Công ty Thủy sản Hạ Long và Công ty CP Đồ hộp Hạ Long – Hải Phòng, mỗi xuất gồm 1 túi quà và 500.000 đồng.

Tại Tổng Công ty Thủy sản Hạ Long, đoàn đã trao quà cho các cháu con anh Phạm Thiên Tấn (thương binh chống Mỹ) thuộc Văn phòng Tổng Công ty và chị Nguyễn Thị Cuốn công nhân Công ty XNK và dịch vụ Hạ Long (có chống là bộ đội, đã mất).

Tại Công ty CP Đồ hộp Hạ Long, đoàn đã thăm hỏi và trao quà cho con các chị Hải, Tâm, Vân, Cúc, Nhân và anh Phương là những CBCNV có con bị ảnh hưởng chất độc da cam và bị tật nguyền.

Đây là những món quà tình nghĩa, trích từ kết quả của đợt quyên góp do Bộ Thủy sản và CĐTSVN phát động trong tháng 7/2000 (150 triệu đồng) được chuyển về Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam để trợ giúp trẻ em nghèo, khó khăn■

Vui mùa tôm mới

◆HỒNG MINH

Ngày 28/8/2002, Công ty Xuất khẩu thủy sản II Quảng Ninh (Công ty XKTS II Quảng Ninh) đã tổ chức lễ mừng ngày thu hoạch tôm tại khu đầm nuôi tôm công nghiệp, được xây dựng giai đoạn 1 ở xã Tân An, huyện Yên Hưng, Quảng Ninh. Đây là một ngày hội ở vùng ven biển này. Lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Thủy sản cùng CBCNV các ban ngành của tỉnh và công ty vui mừng đón Bộ trưởng Bộ Thủy sản Tạ Quang Ngọc và lãnh đạo các Cục, Vụ, Trung tâm của Bộ Thủy sản về dự.

Sự kiện này đánh dấu một hướng mới ở miền Bắc : Nuôi tôm chân trắng

Dự án xây dựng mô hình nuôi tôm công nghiệp này do Công ty XKTS II Quảng Ninh làm chủ đầu tư, có qui mô diện tích 150ha, với tổng vốn là 39.233 triệu đồng, bao gồm gần 100ha đầm nuôi và khoảng 60ha diện tích các công trình phụ trợ, được chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn 1 khởi công vào tháng 6/2001, sử dụng khoảng 25ha diện tích, xây dựng 16 ao nuôi với diện tích 10ha, ao chứa nước mặn 2ha, nước ngọt 2 ha, ao chứa xử lý nước thải 2ha và các công trình phụ trợ khác với số vốn đầu tư 6.032 triệu đồng. Đến cuối tháng 1/2002, công trình đã hoàn thành và nửa cuối tháng 5/2002 bắt đầu vụ nuôi đầu tiên.

Vụ này, công ty nuôi hai loại tôm và cá rô phi, trong đó diện tích nuôi tôm chân trắng là 8ha; tôm sú 1 ha, cá rô phi đơn tính 1 ha. Thời gian nuôi 3 tháng, theo qui trình nuôi công nghiệp của Quảng Đông – Trung Quốc, với mật độ 100 P10/m², sử dụng thức ăn công nghiệp dạng viên. Trong quá trình nuôi, tôm không có dấu hiệu nhiễm bệnh. Nhìn chung tôm và cá phát triển tốt, riêng tôm chân trắng đã đến kỳ thu hoạch. Kết quả cho thấy, năng suất bình quân của tôm chân trắng đạt 5 tấn/ha. Công ty đã tổ chức tốt việc vận chuyển kịp thời bằng xe chuyên dụng. Tôm được đưa về nhà máy của công ty để chế biến sản phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

Công ty dự kiến sẽ tiếp tục thả nuôi vụ thứ hai từ giữa tháng 9 và thu hoạch vào tháng 12.

Giám đốc Ngô Duy Thực cho biết : Qua tính toán sơ bộ với giá thành hiện nay, người nuôi có thể đạt lợi nhuận cao. Công ty đã kí hợp đồng xuất khẩu cho hai công ty ở Mỹ. Nhiều bạn hàng khác cũng ngỏ ý muốn mua loại sản phẩm này, song công ty chưa có đủ để đáp ứng.

Phát biểu tại buổi lễ, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc đã đánh giá cao những kết quả trong xây dựng mô hình của công ty, khẳng định một hướng phát triển trong nghề nuôi ở các tỉnh phía bắc. Thứ nhất, đây là một dự án được phê duyệt, triển khai và đưa đến kết quả chỉ trong vòng hai năm, là tốc độ kỷ lục đáng để làm gương cho việc thực hiện các dự án khác. Thứ hai, dự án đã khẳng định được tính hiệu quả của việc sử dụng tiến bộ kỹ thuật trong chương trình nuôi trồng thủy sản. Thứ ba, công ty đã gắn chặt được thị trường và phát triển sản xuất, bảo đảm đầu ra cho sản phẩm ngay từ khi bắt đầu nuôi. Đây là điều không phải ai cũng làm được. Bộ trưởng cũng nhắc nhở CBCNV của công ty liên tục theo dõi, bám sát tình hình phát triển của tôm, kịp thời phát hiện dấu hiệu nhiễm bệnh và xử lý, chủ động trong mọi tình huống để thử nghiệm thay thế các loài nuôi mới.

Điều lưu ý này của Bộ trưởng rất cần được các cơ quan chức năng của Bộ cũng như tỉnh Quảng Ninh và công ty hết sức quan tâm, thực hiện nghiêm. Theo chúng tôi được biết, đây là con giống có gốc từ Nam Mỹ, được nhập từ Trung Quốc về. Trong quá trình phát triển nuôi, nếu không cẩn trọng tôm có thể sẽ bị thoái hóa về giống không giữ được năng suất, chất lượng vốn có.

Với năng suất, hiệu quả bước đầu đã đạt được ở giai đoạn 1 của dự án, hy vọng rằng sau khi hoàn thành dự án, khu nuôi tôm công nghiệp của Công ty XK Thủy sản II Quảng Ninh – khu nuôi tôm đạt năng suất cao – sẽ là điểm trình diễn tốt, làm cơ sở để người nuôi thủy sản ở Quảng Ninh nói riêng và miền Bắc nói chung học tập, mở rộng mô hình sản xuất, tạo một khối lượng lớn về nguyên liệu phục vụ cho chế biến xuất khẩu■